



DANH SÁCH TRIỆU TẬP THÍ SINH DỰ THI VÒNG 1 KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC ĐỢT 1 NĂM 2019

(Kèm theo Thông báo số: 01 /TB-HĐTD ngày 25 tháng 9 năm 2020 của
Hội đồng tuyển dụng công chức năm 2019 Tổng cục Quản lý thị trường)

STT	STT	Họ và tên	Giới tính		Dân tộc	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển
			Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học	
		CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH BẮC GIANG															
1	1	Lê Đình Anh	Nam		Kinh	24/5/1985	Bắc Ninh	Đại học	Luật Kinh tế	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Bắc Giang
2	2	Tô Xuân Cảnh	Nam		Kinh	14/01/1981	Bắc Giang	Đại học	Kế toán	Anh C	B		CV làm nv HC - TH	Tiếng Anh			Bắc Giang
3	3	Trần Văn Chính	Nam		Kinh	23/04/1989	Bắc Ninh	Đại học	Luật Kinh tế	Anh C	C	Con người nhiễm CĐHH	KSVTT	Tiếng Anh			Bắc Giang
4	4	Phạm Việt Đức	Nam		Kinh	14/10/1993	Bắc Ninh	Đại học	Luật kinh tế	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bắc Giang
5	5	Nguyễn Trường Giang	Nam		Kinh	24/4/1984	Bắc Giang	Đại học	Pháp luật kinh tế	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Bắc Giang
6	6	Ngô Hương Giang		Nữ	Kinh	19/8/1994	Bắc Giang	Đại học	Luật Kinh doanh	Anh Bậc 3	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bắc Giang
7	7	Đào Nguyên Hưng	Nam		Kinh	26/08/1991	Bắc Giang	Đại học	Luật Kinh tế	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Bắc Giang
8	8	Nguyễn Thị Kiều Oanh		Nữ	Tày	03/9/1991	Thanh Hóa	Đại học	Kế toán	Anh B	CNTTCB	Người DT	CV làm nv HC - TH		x		Bắc Giang
9	9	Nguyễn Thị Phương		Nữ	Kinh	02/8/1979	Bắc Ninh	Đại học	Luật Kinh tế	Anh C	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Bắc Giang
10	10	Phan Như Quỳnh		Nữ	Kinh	09/11/1997	Bắc Giang	Đại học	Luật	Anh Bậc 2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Bắc Giang
11	11	Nguyễn Minh Tân	Nam		Kinh	27/06/1992	Bắc Giang	Đại học	Luật	Anh TOEFL	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Bắc Giang
12	12	Phạm Minh Tuấn	Nam		Kinh	07/05/1994	Bắc Ninh	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Bắc Giang
13	13	Nguyễn Sơn Tùng	Nam		Kinh	18/8/1992	Bắc Ninh	Thạc sĩ	Luật Kinh tế	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Bắc Giang
14	14	Nguyễn Thanh Tùng	Nam		Kinh	10/02/1990	Bắc Giang	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Anh B1	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bắc Giang

STT	STT	Họ và tên		Giới tính		Dân tộc	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học	
		CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH BẮC KẠN																
15	1	Vương Huỳnh Đức	Nam		Tây	22/6/1993	Bắc Kạn	Đại học	Kinh tế Bất động sản và Địa chính	Anh B1	B	Người DT	KSVTT			x		Bắc Kạn
16	2	Sâm Thị Thu Hoài		Nữ	Tây	20/6/1994	Bắc Kạn	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB	Người DT	CV làm nv HC - TH			x		Bắc Kạn
17	3	Trần Ngọc Khánh	Nam		Kinh	05/02/1996	Bắc Ninh	Đại học	Tài chính Doanh nghiệp	Anh B1	IC3		KSVTT	Tiếng Anh				Bắc Kạn
18	4	Hoàng Thị Lê		Nữ	Tây	23/02/1995	Bắc Kạn	Đại học	Xây dựng Đảng và Chính quyền NN	Anh B1	CNTTCB	Người DT	KSVTT			x		Bắc Kạn
19	5	Nguyễn Hữu Long	Nam		Kinh	22/8/1993	Thái Nguyên	Đại học	Kinh tế đầu tư	Anh A2	IC3		KSVTT	Tiếng Anh				Bắc Kạn
20	6	Hứa Diệu Ly		Nữ	Tây	10/12/1995	Bắc Kạn	Đại học	Quản trị văn phòng	Anh A2	CNTTCB	Người DT	KSVTT			x		Bắc Kạn
21	7	Trần Ngọc Mai		Nữ	Nùng	01/9/1991	Bắc Kạn	Đại học	Luật Kinh tế	Anh B	B	Người DT	CV làm nv HC - TH			x		Bắc Kạn
22	8	Hà Thị Bích Ngọc		Nữ	Tây	18/8/1995	Bắc Kạn	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB	Người DT	KSVTT			x		Bắc Kạn
23	9	Phạm Hồng Sơn	Nam		Tây	23/10/1996	Cao Bằng	Đại học	Tư pháp Hình sự	Anh B1	CNTTCB	Người DT	KSVTT			x		Bắc Kạn
24	10	Trương Quyết Thắng	Nam		Kinh	13/7/1994	Thái Nguyên	Đại học	Kế toán tổng hợp	Anh TOEFL	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh				Bắc Kạn
25	11	Nguyễn Thị Phương Thảo		Nữ	Tây	20/8/1994	Lạng Sơn	Thạc sĩ	Luật Hình sự và Tố tụng hình sự	Anh B	CNTTCB	Người DT	KSVTT			x		Bắc Kạn
26	12	Nông Thị Bích Thiệu		Nữ	Tây	02/3/1989	Cao Bằng	Thạc sĩ	Lý luận và PP dạy học Toán học	B1	IC3	Người DT	KSVTT			x		Bắc Kạn
27	13	Đinh Đào Bích Thơ		Nữ	Tây	26/12/1989	Thái Nguyên	Đại học	Luật Kinh tế	Anh B	B	Người DT	KSVTT			x		Bắc Kạn
28	14	Dương Thị Thu Thủy		Nữ	Tây	26/7/1996	Bắc Kạn	Đại học	Luật	Anh B2	CNTTCB	Người DT	KSVTT			x		Bắc Kạn
29	15	Nông Viết Tuyên	Nam		Tây	14/8/1991	Bắc Kạn	Đại học	Trồng trọt	Anh A2	B	Người DT	CV làm nv HC - TH			x		Bắc Kạn
		CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH BẮC NINH																
30	1	Chu Thị Tú Anh		Nữ	Kinh	15/02/1994	Bắc Ninh	Đại học	Tài chính	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh				Bắc Ninh

STT	STT	Họ và tên	Giới tính		Dân tộc	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển
			Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học	
31	2	Đỗ Xuân Bắc	Nam		Kinh	06/11/1988	Nam Định	Thạc sĩ	Kỹ thuật viễn thông	Anh B	Đại học		CV làm nv HCTH và CNTT	Tiếng Anh		x	Bắc Ninh
32	3	Trần Văn Chiến	Nam		Kinh	29/10/1985	Bắc Ninh	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Anh C	B	Con người nhiễm CDHH	KSVTT	Tiếng Anh			Bắc Ninh
33	4	Nguyễn Mậu Chung	Nam		Kinh	10/9/1991	Bắc Ninh	Đại học	Quản lý thông tin	Anh B1	Đại học		CV làm nv HCTH và CNTT	Tiếng Anh		x	Bắc Ninh
34	5	Đào Thành Đạt	Nam		Kinh	06/7/1990	Hải Dương	Thạc sĩ	Tài chính và Tmại QT (liên kết quốc tế)	Anh B1	C		KSVTT		x		Bắc Ninh
35	6	Trần Việt Đức	Nam		Kinh	03/03/1979	Bắc Ninh	Đại học	Kế toán doanh nghiệp	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bắc Ninh
36	7	Trần Quang Hà	Nam		Kinh	03/10/1991	Bắc Ninh	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Anh B1	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bắc Ninh
37	8	Đoàn Quang Hà	Nam		Kinh	11/09/1983	Bắc Ninh	Đại học	Kế toán doanh nghiệp	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bắc Ninh
38	9	Phạm Sỹ Hiệp	Nam		Kinh	25/03/1988	Bắc Ninh	Thạc sĩ	Kế toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bắc Ninh
39	10	Nguyễn Trung Hiếu	Nam		Kinh	17/02/1996	Vĩnh Phúc	Đại học	Tài chính Doanh nghiệp	Chuẩn đầu ra	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Bắc Ninh
40	11	Nguyễn Văn Hòa	Nam		Kinh	19/09/1987	Bắc Ninh	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Anh C	Thạc sĩ		CV làm nv HCTH và CNTT	Tiếng Anh		x	Bắc Ninh
41	12	Nguyễn Thị Hòa		Nữ	Kinh	12/01/1991	Hà Nội	Đại học	Kế toán - Tiếng Anh (ĐT bằng tiếng Anh)	Anh B	CNTTCB		KSVTT		x		Bắc Ninh
42	13	Vũ Phương Huân	Nam		Kinh	16/10/1992	Bắc Ninh	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Bắc Ninh
43	14	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam		Kinh	15/4/1980	Bắc Ninh	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bắc Ninh
44	15	Nguyễn Đình Quân	Nam		Kinh	20/09/1987	Bắc Ninh	Đại học	Tài chính - Doanh nghiệp	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bắc Ninh
45	16	Nguyễn Thị Quyên		Nữ	Kinh	12/10/1990	Bắc Ninh	Đại học	Kế toán doanh nghiệp	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bắc Ninh
46	17	Phạm Ngọc Sơn	Nam		Kinh	09/11/1991	Bắc Ninh	Đại học	Kế toán	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bắc Ninh
47	18	Nguyễn Đức Thái	Nam		Kinh	25/7/1992	Bắc Ninh	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Anh B1	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bắc Ninh
48	19	Tạ Thị Minh Thúy		Nữ	Kinh	16/11/1987	Hưng Yên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Đại học	CNTTCB		KSVTT		x		Bắc Ninh

STT	STT	Họ và tên		Giới tính		Dân tộc	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học	
49	20	Trần Thị	Thùy		Nữ	Kinh	21/11/1993	Bắc Ninh	Đại học	Kế toán	Đại học	CNTTCB		KSVTT		x		Bắc Ninh
50	21	Phạm Anh	Tuấn	Nam		Kinh	23/09/1987	Bắc Ninh	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B1	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bắc Ninh
CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH CAO BẰNG																		
51	1	Lê Thu	Hằng		Nữ	Nùng	18/6/1993	Hải Dương	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Anh TOEIC	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Cao Bằng
52	2	Lục Thảo	Hiếu		Nữ	Nùng	26/11/1996	Cao Bằng	Đại học	Luật	Anh C	IC3	Người DT	KSVTT		x		Cao Bằng
53	3	Lý Minh	Huệ		Nữ	Tây	11/15/1995	Cao Bằng	Đại học	Thương Mại quốc tế	Anh TOEIC	IC3	Người DT	KSVTT		x		Cao Bằng
54	4	Lương Đình	Hùng	Nam		Tây	23/11/1997	Cao Bằng	Đại học	Quản lý nhà nước về Kinh tế	Anh B1	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Cao Bằng
55	5	Đàm Thị	Hường		Nữ	Nùng	14/3/1993	Cao Bằng	Đại học	Kỹ thuật kiểm soát ô nhiễm môi trường	Anh TOEFL	B	Người DT	KSVTT		x		Cao Bằng
56	6	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		Nữ	Tây	27/02/1995	Cao Bằng	Đại học	Kinh doanh nông nghiệp	Anh Bậc 2	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Cao Bằng
57	7	Nông Duy	Khánh	Nam		Tây	28/02/1986	Cao Bằng	Đại học	Kế toán tài chính DN thương mại	Anh B	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Cao Bằng
58	8	Hà Thị	Khuyên		Nữ	Tây	27/9/1989	Cao Bằng	Đại học	Luật	Anh TOEFL	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Cao Bằng
59	9	Nguyễn Thị	Khuyên		Nữ	Tây	08/02/1996	Cao Bằng	Đại học	Luật	Anh TOEFL	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Cao Bằng
60	10	Lăng Thị	Liệu		Nữ	Nùng	03/01/1995	Cao Bằng	Đại học	Quản lý nhà nước	Anh B1	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Cao Bằng
61	11	Phạm Thùy	Linh		Nữ	Kinh	19/9/1992	Nam Định	Đại học	Luật Kinh tế	Anh TOEFL	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Cao Bằng
62	12	Long Văn	Nam	Nam		Nùng	26/12/1988	Cao Bằng	Đại học	Quản trị KD tổng hợp	Anh B	B	Người DT	KSVTT		x		Cao Bằng
63	13	La Thủy	Nga		Nữ	Nùng	29/10/1994	Cao Bằng	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Cao Bằng
64	14	Nông Thị	Nhã		Nữ	Tây	19/02/1997	Cao Bằng	Đại học	Thanh tra	Anh TOEFL	IC3	Người DT	KSVTT		x		Cao Bằng
65	15	Bế Thị	Nhung		Nữ	Tây	24/02/1993	Cao Bằng	Đại học	Quản trị nhân lực	Anh TOEFL	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Cao Bằng

STT	STT	Họ và tên		Giới tính		Dân tộc	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học	
66	16	Dương Trung	Son	Nam		Nùng	12/7/1994	Cao Bằng	Đại học	Tài chính Doanh nghiệp	Anh B	B	Người DT	KSVTT		x		Cao Bằng
67	17	Hoàng Văn	Thắng	Nam		Tày	15/5/1996	Cao Bằng	Đại học	Tài chính	Anh B1	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Cao Bằng
68	18	Nguyễn Minh	Tri	Nam		Tày	07/5/1995	Cao Bằng	Đại học	Xây dựng Đảng và Chính quyền NN	Anh B	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Cao Bằng
		CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH HÀ GIANG																
69	1	Vũ Duy	Công	Nam		Kinh	01/6/1990	Tuyên Quang	Đại học	Kế toán tổng hợp	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Giang
70	2	Nông Xuân	Đoàn	Nam		Tày	18/02/1997	Hà Giang	Đại học	Kinh tế Giáo dục	Anh B1	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Hà Giang
71	3	Phạm Minh	Giang	Nam		Kinh	23/3/1991	Nam Định	Đại học	Kế toán	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Giang
72	4	Lương Khải	Hoàn	Nam		Tày	21/6/1991	Hà Giang	Đại học	Quản trị HTTT thị trường và thương mại	Anh A2	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Hà Giang
73	5	Nguyễn Mạnh	Hoàng	Nam		Tày	06/5/1995	Tuyên Quang	Đại học	CN Kế toán	Anh B	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Hà Giang
74	6	Nguyễn Duy	Khánh	Nam		Tày	03/10/1988	Hà Giang	Đại học	Kế toán	Anh B	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Hà Giang
75	7	Lý Văn	Lấy	Nam		Dao	14/6/1994	Cao Bằng	Đại học	Kế hoạch	Anh TOEFL	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Hà Giang
76	8	Ma Đức	Lượng	Nam		Tày	04/12/1996	Tuyên Quang	Đại học	Luật	Anh Bậc 3	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Hà Giang
77	9	Nguyễn Trọng	Nam	Nam		Kinh	07/10/1993	Phú Thọ	Đại học	Kế toán	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Giang
78	10	Bùi Thị Bích	Phương		Nữ	Kinh	02/10/1991	Nam Định	Đại học	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Giang
79	11	Nguyễn Tuấn	Thành	Nam		Tày	06/05/1997	Nghệ An	Cử nhân	Tài chính ngân hàng	Anh TOEIC	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Hà Giang
80	12	Nguyễn Xuân	Trung	Nam		Kinh	3/21/1993	Cao Bằng	Đại học	Tài chính ngân hàng	Anh B	CNTTCB	Bộ đội xuất ngũ	KSVTT	Tiếng Anh			Hà Giang
81	13	Hứa Thanh	Tuấn	Nam		Tày	22/10/1989	Hà Giang	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	TN tại nước ngoài	B		KSVTT		x		Hà Giang
		CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH HÀ NAM																
82	1	Phạm Quốc	Đạt	Nam		Kinh	04/12/1996	Hà Nội	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nam

STT	STT	Họ và tên		Giới tính		Dân tộc	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học	
83	2	Nguyễn Ngọc	Đức	Nam		Kinh	10/18/1993	Nam Định	Đại học	Tài chính Doanh nghiệp	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nam
84	3	Đinh Mạnh	Duy	Nam		Kinh	03/02/1995	Hà Nam	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nam
85	4	Đinh Thị Thanh	Hòa		Nữ	Kinh	13/7/1993	Hà Nam	Đại học	Tài chính	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nam
CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI																		
86	1	Đỗ Việt	An	Nam		Kinh	10/10/1990	Hà Nội	Đại học	Quản trị tài chính (Ở nước ngoài)	Anh B2	CNTTCB		CV làm nv TH, TCHC, KT, VT, PHLN		x		Hà Nội
87	2	Đặng Tuấn	Anh	Nam		Kinh	04/10/1993	Nam Định	Đại học	Quản trị du lịch	TN tại nước ngoài	CNTTCB		CV làm nv TH, TCHC, KT, VT, PHLN		x		Hà Nội
88	3	Nguyễn Thị	Anh		Nữ	Kinh	31/12/1982	Hà Nội	Đại học	Luật	Anh Bậc 3	THCN		KSVTT	Tiếng Anh		x	Hà Nội
89	4	Đỗ Hoàng	Anh	Nam		Kinh	26/08/1992	Hải Dương	Đại học	Tài chính Doanh nghiệp	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
90	5	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh		Nữ	Kinh	24/11/1989	Hà Nội	Đại học	Luật Kinh tế	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
91	6	Phạm Hoàng	Anh	Nam		Nùng	21/5/1990	Nam Định	Thạc sĩ	Marketing CN Kinh tế đối ngoại	TN tại nước ngoài	B	Người DT	KSVTT		x		Hà Nội
92	7	Đỗ Hà	Anh		Nữ	Kinh	15/02/1995	Hải Dương	Đại học	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	Đào tạo bằng Tanh	CNTTCB		KSVTT		x		Hà Nội
93	8	Nguyễn Phương	Anh		Nữ	Kinh	21/8/1997	Hưng Yên	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh C	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
94	9	Dương Thị Vân	Anh		Nữ	Kinh	09/5/1989	Hà Nội	Thạc sĩ	Kế toán	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
95	10	Nguyễn Thị Ngọc	Anh		Nữ	Kinh	05/9/1996	Bắc Giang	Đại học	Tư pháp Hình sự	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
96	11	Nguyễn Thị Hải	Anh		Nữ	Kinh	18/12/1996	Ninh Bình	Đại học	Tài chính doanh nghiệp	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
97	12	Nguyễn Mai	Anh		Nữ	Kinh	27/4/1995	Hà Nội	Đại học	Tài chính Doanh nghiệp	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
98	13	Mai Ngọc	Ánh	Nam		Kinh	10/01/1995	Nam Định	Đại học	Kỹ thuật công trình thủy	Anh Bậc 2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
99	14	Nguyễn Đức	Bình	Nam		Kinh	11/10/1996	Hà Nội	Đại học	Quản lý Tài chính công	Anh B1	IC3		CV làm nv TH, TCHC, KT, VT, PHLN	Tiếng Anh			Hà Nội

STT	STT	Họ và tên		Giới tính		Dân tộc	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Điện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học	
100	15	Phạm Thị	Bưởi		Nữ	Kinh	19/7/1991	Ninh Bình	Đại học	Quản lý nhà nước về Kinh tế	Anh A2	CNTTCB		CV làm nv TH, TCHC, KT, VT, PHLN	Tiếng Anh			Hà Nội
101	16	Phạm Mai	Chi		Nữ	Kinh	26/12/1989	Hà Nội	Đại học	Công nghệ Kỹ thuật hóa học	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
102	17	Bùi Hà	Chi		Nữ	Kinh	12/11/1988	Hà Nội	Đại học	CN Luật	Anh C	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
103	18	Tạ Quang	Chức	Nam		Kinh	07/12/1994	Hà Nội	Đại học	Quản lý nhà nước	Anh C	CNTTCB		CV làm nv TH, TCHC, KT, VT, PHLN	Tiếng Anh			Hà Nội
104	19	Nguyễn Đức	Chung	Nam		Kinh	05/11/1989	Hà Nội	Đại học	Luật	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
105	20	Bùi Đình	Chung	Nam		Kinh	02/7/1991	Bắc Ninh	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
106	21	Lê Kim	Cương	Nam		Kinh	08/4/1985	Thái Bình	Đại học	Xây dựng Cầu đường	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
107	22	Huỳnh Ngọc	Cường	Nam		Kinh	21/8/1992	Quảng Nam	Đại học	Kế hoạch phát triển	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
108	23	Trần Quang	Đạo	Nam		Kinh	15/12/1994	Nam Định	Đại học	Quản trị nhân lực	Anh B1	CNTTCB		CV làm nv TH, TCHC, KT, VT, PHLN	Tiếng Anh			Hà Nội
109	24	Phạm Văn	Đạo	Nam		Kinh	01/12/1989	Bắc Ninh	Đại học	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
110	25	Nguyễn Thành	Đạt	Nam		Kinh	30/10/1990	Hà Nội	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
111	26	Phạm Bạch	Diệp		Nữ	Kinh	29/10/1987	Nam Định	Đại học	Pháp luật hình sự	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
112	27	Phạm Văn	Đức	Nam		Kinh	12/3/1995	Bắc Giang	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
113	28	Trương Đình	Đức	Nam		Kinh	19/12/1991	Hà Nội	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
114	29	Nguyễn Văn	Dũng	Nam		Kinh	08/10/1991	Hà Nội	Đại học	Luật	Anh B	A	Bộ đội xuất ngũ	KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
115	30	Nguyễn Lâm	Dũng	Nam		Kinh	02/7/1995	Vĩnh Phúc	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	TN tại nước ngoài	THCN		KSVTT		x	x	Hà Nội
116	31	Võ Anh	Dũng	Nam		Kinh	02/11/1983	Quảng Ngãi	Đại học	Luật	Anh C	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
117	32	Vũ Đăng	Dương	Nam		Kinh	16/10/1997	Thái Bình	Đại học	Quản lý NN về Đô thị	Anh Bậc 2	CNTTCB		CV làm nv TH, TCHC, KT, VT, PHLN	Tiếng Anh			Hà Nội

STT	STT	Họ và tên		Giới tính		Dân tộc	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học	
118	33	Nguyễn Trọng	Dương	Nam		Kinh	09/12/1995	Hải Dương	Đại học	Tài chính	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
119	34	Phạm Ngọc	Duy	Nam		Kinh	22/7/1990	Hà Nội	Đại học	Công nghệ kỹ thuật vật liệu XD	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
120	35	Nguyễn Khắc	Duy	Nam		Kinh	20/12/1992	Hà Nội	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh Bậc 2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
121	36	Nguyễn Văn	Giang	Nam		Kinh	25/10/1979	Nam Định	Đại học	Quản trị nhân lực	Anh A2	B	Con TB 4/4	KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
122	37	Nguyễn Thị	Hà		Nữ	Kinh	31/03/1985	Thanh Hóa	Đại học	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	Đại học	CNTTCB	Con người nhiệm CBHH	CV làm nv TH, TCHC, KT, VT, PHLN		x		Hà Nội
123	38	Nguyễn Thị Thu	Hà		Nữ	Kinh	16/01/1997	Hà Nội	Đại học	Luật Dân sự	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
124	39	Nguyễn Ngọc	Hà	Nam		Kinh	20/4/1995	Nghệ An	Đại học	Quản lý nhà nước (Thanh tra)	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
125	40	Bùi Thu	Hà		Nữ	Kinh	01/4/1995	Hà Nội	Đại học	Công nghệ Kỹ thuật hóa học	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
126	41	Lê Thanh	Hà		Nữ	Kinh	22/10/1991	Thanh Hóa	Đại học	Quan hệ quốc tế	Đại học	CNTTCB		KSVTT		x		Hà Nội
127	42	Nguyễn Thị	Hà		Nữ	Kinh	28/02/1997	Hà Nội	Đại học	Luật	Anh TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
128	43	Nguyễn Thu	Hà		Nữ	Kinh	27/8/1993	Hà Nội	Thạc sĩ	Quản lý DA đổi mới và thiết lập mạng lưới KD	Đào tạo bằng Tiếng anh	B		KSVTT		x		Hà Nội
129	44	Hoàng Thị Thu	Hà		Nữ	Tày	29/3/1993	Cao Bằng	Đại học	Tài chính Doanh nghiệp	Anh A2	CNTTCB	Người DT	KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
130	45	Thái Quốc	Hải	Nam		Kinh	08/10/194	Hà Tĩnh	Thạc sĩ	Kế toán và Tài chính	TN tại nước ngoài	CNTTCB		KSVTT		x		Hà Nội
131	46	Nguyễn Thị Thúy	Hằng		Nữ	Kinh	01/5/1990	Hà Nội	Đại học	Tiếng Anh Quan hệ quốc tế	Đại học	C		CV làm nv TH, TCHC, KT, VT, PHLN		x		Hà Nội
132	47	Nguyễn Thị Thúy	Hằng		Nữ	Kinh	07/01/1984	Quảng Ninh	Đại học	Quản trị Doanh nghiệp khách sạn - du lịch	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
133	48	Đặng Thị	Hạnh		Nữ	Kinh	04/6/1997	Nam Định	Đại học	Luật	Anh B2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
134	49	Lê Thị Hồng	Hạnh		Nữ	Kinh	23/9/1997	Nghệ An	Đại học	Luật	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
135	50	Hoàng Thị Tuyết	Hạnh		Nữ	Kinh	24/03/1980	Thái Bình	Đại học	Quản trị Doanh nghiệp khách sạn - du lịch	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội

STT	STT	Họ và tên		Giới tính		Dân tộc	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học	
136	51	Ngô Thị	Hậu		Nữ	Kinh	04/10/1994	Nghệ An	Đại học	Luật	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
137	52	Phan Thu	Hiền		Nữ	Kinh	26/10/1997	Hà Nội	Đại học	Quản lý NN về Đô thị	Anh Bậc 2	CNTTCB		CV làm nv TH, TCHC, KT, VT, PHLN	Tiếng Anh			Hà Nội
138	53	Nguyễn Thị	Hiền		Nữ	Kinh	08/10/1983	Hà Nội	Đại học	Báo chí (Phát thanh truyền hình)	Anh B	B		CV làm nv TH, TCHC, KT, VT, PHLN	Tiếng Anh			Hà Nội
139	54	Vũ Thị Thu	Hiền		Nữ	Kinh	30/12/1982	Hải Dương	Đại học	Kế toán - Kiểm toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
140	55	Nguyễn Thu	Hiền		Nữ	Kinh	24/8/1993	Hà Nội	Đại học	Thương Mại quốc tế	Anh Bậc 3	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
141	56	Nguyễn Ngọc	Hiền		Nữ	Kinh	09/3/1997	Hà Nội	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
142	57	Lê Trung	Hiếu	Nam		Kinh	06/12/1995	Hà Nội	Đại học	Kiểm toán	Anh TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
143	58	Trần Trung	Hiếu	Nam		Kinh	28/7/1994	Bắc Giang	Thạc sĩ	Kế toán	Anh B1	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
144	59	Phạm Trung	Hiếu	Nam		Kinh	23/01/1994	Hưng Yên	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
145	60	Nông Trung	Hiếu	Nam		Nùng	20/9/1992	Cao Bằng	Đại học	Kinh tế quốc tế	Anh B1	B	Người DT	KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
146	61	Lương Trung	Hiếu	Nam		Kinh	23/01/1996	Phú Thọ	Đại học	Quản trị kinh doanh	TN tại nước ngoài	CNTTCB		KSVTT		x		Hà Nội
147	62	Đoàn Thị	Hoa		Nữ	Nùng	04/10/1983	Lạng Sơn	Đại học	Báo chí	Anh C	B	Người DT	CV làm nv TH, TCHC, KT, VT, PHLN	Tiếng Anh			Hà Nội
148	63	Trần Thị Thái	Hòa		Nữ	Kinh	08/3/1994	Nam Định	Đại học	Văn học	Anh C	C		CV làm nv TH, TCHC, KT, VT, PHLN	Tiếng Anh			Hà Nội
149	64	Hà Thu	Hòa		Nữ	Kinh	30/11/1988	Hải Dương	Đại học	Luật Dân sự	Anh Bậc 3	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
150	65	Nguyễn Thị Thu	Hoài		Nữ	Kinh	30/8/1996	Hà Tĩnh	Đại học	Luật	Anh B2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
151	66	Trần	Hoàng	Nam		Kinh	26/7/1996	Tuyên Quang	Đại học	Quản trị kinh doanh tổng hợp	Anh Bậc 4	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
152	67	Lại Xuân	Hoàng	Nam		Kinh	19/3/1991	Nam Định	Đại học	Kinh tế - Thương mại quốc tế	TN tại nước ngoài	CNTTCB		KSVTT		x		Hà Nội
153	68	Nguyễn Thái	Học	Nam		Kinh	11/12/1989	Hà Nội	Thạc sĩ	Kinh tế Nông nghiệp	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội

STT	STT	Họ và tên		Giới tính		Dân tộc	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học	
154	69	Lê Hải	Hồng		Nữ	Kinh	14/02/1991	Ninh Bình	Đại học	Ngân hàng thương mại	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
155	70	Phạm Thị	Huệ		Nữ	Kinh	19/5/1988	Thái Nguyên	Thạc sĩ	Luật Kinh tế	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
156	71	Hoàng Mạnh	Hùng	Nam		Kinh	19/6/1991	Hà Nội	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
157	72	Chu Mạnh	Hùng	Nam		Kinh	09/11/1991	Hà Nội	Đại học	Chứng khoán	Anh B2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
158	73	Ta Quang	Hung	Nam		Kinh	11/02/1986	Hà Nội	Đại học	Luật kinh tế	Anh Bậc 2	A		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
159	74	Cần Thị Thùy	Hương		Nữ	Kinh	20/11/1991	Hà Nội	Đại học	Quản lý Văn hóa - Thông tin	Anh B	B		CV làm nv TH, TCHC, KT, VT, PHLN	Tiếng Anh			Hà Nội
160	75	Hoàng Thu	Hương		Nữ	Kinh	01/12/1994	Hà Nội	Đại học	Kế toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Trung			Hà Nội
161	76	Phạm Thu	Hương		Nữ	Kinh	09/11/1997	Nam Định	Đại học	Luật	Anh B2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
162	77	Nguyễn Thị Mai	Hương		Nữ	Kinh	11/4/1991	Hà Nội	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
163	78	Đỗ Văn	Hương	Nam		Kinh	06/10/1985	Ninh Bình	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Anh B1	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
164	79	Vũ Thị	Hương		Nữ	Kinh	28/02/1996	Hà Nội	Đại học	Quy hoạch phát triển	Anh TOEIC	IC3		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
165	80	Nguyễn Thị Diệu	Hương		Nữ	Kinh	12/7/1990	Hà Nội	Đại học	Báo chí (Báo truyền hình)	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
166	81	Đỗ Thị Thu	Hường		Nữ	Kinh	29/11/1981	Thái Bình	Đại học	Luật Kinh doanh	Anh B1	CNTTCB	Con bệnh binh 2/3	KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
167	82	Nguyễn Đức	Huy	Nam		Kinh	19/8/1994	Hà Nội	Đại học	Kiểm toán	Anh Bậc 4	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
168	83	Phạm Quang	Huy	Nam		Kinh	17/3/1997	Thái Bình	Đại học	Quản lý kinh tế	Anh APTIS	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
169	84	Nguyễn Văn	Huy	Nam		Kinh	01/12/1982	Hà Nam	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
170	85	Phùng Thị Thanh	Huyền		Nữ	Kinh	22/4/1997	Hà Nội	Đại học	Quản lý nhà nước (Chính sách công)	Anh Bậc 2	CNTTCB		CV làm nv TH, TCHC, KT, VT, PHLN	Tiếng Anh			Hà Nội
171	86	Trần Thị Khánh	Huyền		Nữ	Kinh	05/9/1997	Ninh Bình	Đại học	Tài chính quốc tế	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội

STT	STT	Họ và tên		Giới tính		Dân tộc	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học	
172	87	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền		Nữ	Kinh	08/11/1994	Vĩnh Phúc	Đại học	Tư pháp Hình sự	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
173	88	Đỗ Trần	Khánh	Nam		Kinh	31/5/1996	Hà Nội	Đại học	Luật Hình sự	Anh C	Tin học VP		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
174	89	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam		Kinh	10/4/1975	Hà Nội	Thạc sĩ	Luật Kinh tế	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
175	90	Bùi Công	Kiên	Nam		Kinh	22/01/1977	Thái Bình	Đại học	Kinh doanh nông nghiệp	Anh Bậc 2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
176	91	Nguyễn Trung	Kiên	Nam		Kinh	20/8/1984	Hà Nội	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
177	92	Đỗ Thị	Lam		Nữ	Kinh	24/08/1995	Vĩnh Phúc	Đại học	Hải quan	Anh TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
178	93	Phùng Đoài	Lâm	Nam		Kinh	12/11/1989	Hà Nội	Đại học	Quản trị TM điện tử	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
179	94	Lại Tùng	Lâm	Nam		Kinh	01/9/1997	Hà Nam	Đại học	Tài chính doanh nghiệp	Anh TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
180	95	Đặng Thị Tuyết	Lan		Nữ	Kinh	14/5/1988	Ninh Bình	Đại học	Kế toán tổng hợp	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
181	96	Đỗ Phương	Linh		Nữ	Kinh	08/11/1996	Hà Nội	Đại học	Quản lý nhà nước	Anh TOEFL	THCN		CV làm nv TH, TCHC, KT, VT, PHLN	Tiếng Anh	x	Hà Nội	
182	97	Trần Thái	Linh		Nữ	Kinh	13/3/1987	Hà Nội	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
183	98	Vũ Cao Ngọc	Linh		Nữ	Kinh	08/05/1997	Hà Nội	Đại học	Luật	Anh B2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
184	99	Cầm Nhật	Linh		Nữ	Thái	14/3/1996	Sơn La	Đại học	Tiếng Anh	Đại học	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Hà Nội
185	100	Nguyễn Thị Hà	Linh		Nữ	Kinh	22/5/1990	Hà Tĩnh	Đại học	Ngân hàng thương mại	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
186	101	Trương Diệu	Linh		Nữ	Kinh	25/3/1992	Thừa Thiên Huế	Đại học	Luật	Anh C	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
187	102	Nguyễn Thị Mỹ	Linh		Nữ	Kinh	02/11/1996	Ninh Bình	Đại học	Luật Dân sự	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
188	103	Vũ Tú	Linh		Nữ	Tày	24/5/1994	Hà Nội	Thạc sĩ	Luật Hiến pháp và hành chính	Anh B1	IC3	Người DT	KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
189	104	Dương Ngọc	Linh		Nữ	Kinh	25/10/1986	Hà Nội	Thạc sĩ	Kế toán, kiểm toán và phân tích	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội

STT	STT	Họ và tên		Giới tính		Dân tộc	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học	
190	105	Đặng Khánh	Linh		Nữ	Kinh	30/3/1997	Hà Nam	Đại học	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	Đào tạo bằng Anh	IC3		KSVTT		x		Hà Nội
191	106	Lưu Hồng	Linh		Nữ	Kinh	15/9/1996	Hà Nội	Đại học	Quản lý nhà nước (Thanh tra)	Anh B1	IC3		CV làm nv TH, TCHC, KT, VT, PHLN	Tiếng Anh			Hà Nội
192	107	Trần Mỹ	Linh		Nữ	Kinh	30/12/1993	Thái Nguyên	Đại học	Luật	Đại học	CNTTCB		KSVTT		x		Hà Nội
193	108	Nguyễn Xuân	Lợi	Nam		Kinh	24/5/1996	Hà Nội	Đại học	Luật Thương mại	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
194	109	Nguyễn Hoàng	Long	Nam		Kinh	07/10/1995	Quảng Ninh	Đại học	Tư pháp Hình sự	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
195	110	Nguyễn Thị Diệu	Ly		Nữ	Kinh	08/01/1995	Hà Nội	Đại học	Ngân hàng thương mại	Anh C	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
196	111	Đào Thị Ngọc	Mai		Nữ	Kinh	17/12/1996	Bắc Giang	Đại học	Quản trị nhân lực	Anh TOEIC	CNTTCB		CV làm nv TH, TCHC, KT, VT, PHLN	Tiếng Anh			Hà Nội
197	112	Lê Đức	Mạnh	Nam		Tây	24/12/1996	Hà Nội	Đại học	Luật Kinh tế	Anh C	CNTTCB	Người DT	KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
198	113	Nguyễn Thị	Mến		Nữ	Kinh	01/9/1997	Hà Nội	Đại học	Tư pháp Hình sự	Anh C	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
199	114	Nguyễn Quang	Minh	Nam		Kinh	05/10/1995	Hà Nội	Đại học	Luật	Đại học	CNTTCB		KSVTT		x		Hà Nội
200	115	Phạm Nhật	Minh	Nam		Kinh	19/9/1995	Thái Bình	Thạc sĩ	Kế toán	Anh TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
201	116	Nguyễn Ngọc	My		Nữ	Kinh	8/23/1997	Thanh Hóa	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
202	117	Dương Trà	My		Nữ	Kinh	05/01/1995	Cao Bằng	Đại học	Kinh tế đối ngoại	Anh TOEIC	IC3		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
203	118	Nguyễn Trà	My		Nữ	Kinh	07/11/1992	Hà Nội	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh C	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
204	119	Ngô Văn	Nam	Nam		Kinh	12/12/1996	Hà Nội	Đại học	Tư pháp Hình sự	Anh B1	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
205	120	Nguyễn Hoàng	Nam	Nam		Kinh	12/03/1983	Hà Nội	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
206	121	Nguyễn Kim	Ngọc		Nữ	Kinh	17/6/1991	Nam Định	Đại học	Quản lý Tài chính công	Đại học	CNTTCB		CV làm nv TH, TCHC, KT, VT, PHLN		x		Hà Nội
207	122	Nguyễn Bích	Ngọc		Nữ	Kinh	14/7/1977	Hà Nội	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội

STT	STT	Họ và tên		Giới tính		Dân tộc	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học	
208	123	Nguyễn Thị Bình	Nguyệt		Nữ	Kinh	17/3/1986	Quảng Ninh	Đại học	Quản lý kinh tế	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
209	124	Nguyễn Cẩm	Nhi		Nữ	Kinh	10/28/1992	Hà Nội	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	CNTTCB		CV làm nv TH, TCHC, KT, VT, PHLN		x		Hà Nội
210	125	Nguyễn Thị	Nhiệm		Nữ	Kinh	24/02/1979	Hà Nội	Đại học	Ngân hàng	Anh C	Đại học	Con BB 51%	KSVTT	Tiếng Anh		x	Hà Nội
211	126	Lê Thị	Nhở		Nữ	Kinh	21/7/1984	Hà Nội	Đại học	Luật Kinh tế	Anh TOEFL	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
212	127	Tạ Thị Hồng	Nhung		Nữ	Kinh	15/5/1990	Hà Nội	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Anh TOEIC	CNTTCB		CV làm nv TH, TCHC, KT, VT, PHLN	Tiếng Anh			Hà Nội
213	128	Nguyễn Hồng	Nhung		Nữ	Kinh	08/11/1990	Quảng Ninh	Thạc sĩ	Luật Hình sự và TTHS	Anh B2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
214	129	Ngô Thị Mỹ	Ninh		Nữ	Kinh	14/6/1990	Hà Nội	Thạc sĩ	Luật Kinh tế	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
215	130	Nguyễn Thị	Oanh		Nữ	Kinh	09/02/1997	Hà Nội	Đại học	Quản lý hoạt động tư tưởng văn hóa	Anh B1	CNTTCB		CV làm nv TH, TCHC, KT, VT, PHLN	Tiếng Anh			Hà Nội
216	131	Trần Thị Kiều	Oanh		Nữ	Kinh	25/4/1990	Hà Nam	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
217	132	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam		Kinh	17/11/1996	Nam Định	Đại học	Tài chính công	Anh TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
218	133	Nguyễn Thị	Phúc		Nữ	Kinh	10/01/1985	Hà Nội	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
219	134	Nguyễn Chi	Phương		Nữ	Kinh	22/12/1997	Thái Bình	Đại học	Quản lý NN về kinh tế	Anh Bậc 2	IC3		CV làm nv TH, TCHC, KT, VT, PHLN	Tiếng Anh			Hà Nội
220	135	Phạm Thị Hà	Phương		Nữ	Kinh	03/10/1992	Thái Bình	Đại học	Tài chính	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
221	136	Nguyễn Thu	Phương		Nữ	Kinh	20/8/1997	Hà Nội	Đại học	Luật	Anh TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
222	137	Phùng Minh	Quân	Nam		Kinh	13/12/1981	Hà Nội	Đại học	Luật kinh tế	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
223	138	Nguyễn Văn	Quỹ	Nam		Kinh	25/7/1984	Bắc Giang	Đại học	Quản lý kinh tế	Anh TOEFL	CNTTCB	Bộ đội xuất ngũ	KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
224	139	Nguyễn Thị Lệ	Quyên		Nữ	Kinh	19/06/1986	Bắc Ninh	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	TN tại nước ngoài	CNTTCB		KSVTT		x		Hà Nội
225	140	Trần Thị	Quyên		Nữ	Kinh	14/8/1990	Thái Bình	Đại học	Luật	Đại học	B		KSVTT		x		Hà Nội

STT	STT	Họ và tên		Giới tính		Dân tộc	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học	
226	141	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh		Nữ	Kinh	02/11/1995	Hà Nội	Đại học	Lưu trữ học	Anh C	CNTTCB		CV làm nv TH, TCHC, KT, VT, PHLN	Tiếng Anh			Hà Nội
227	142	Nguyễn Như	Quỳnh		Nữ	Kinh	14/02/1987	Hà Nội	Đại học	Kinh tế xây dựng	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
228	143	Nguyễn Ngọc	Quỳnh		Nữ	Kinh	18/5/1980	Hà Nội	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Đại học	Đại học		KSVTT		x	x	Hà Nội
229	144	Phạm Xuân	Sang	Nam		Kinh	12/25/1994	Hưng Yên	Đại học	Tài chính - Ngân hàng (Ở nước ngoài)	TN tại nước ngoài	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
230	145	Lê Xuân	Sanh	Nam		Kinh	08/7/1985	Hà Tĩnh	Đại học	Luật Kinh tế	Đại học	THCN		KSVTT		x	x	Hà Nội
231	146	Trần Tuấn	Son	Nam		Kinh	24/09/1982	Hà Nam	Đại học	Quản lý doanh nghiệp	Anh Bậc 2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
232	147	Triệu Tùng	Son	Nam		Nùng	10/4/1997	Lạng Sơn	Đại học	Luật kinh tế	Anh B	CNTTCB	Người DT	KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
233	148	Nguyễn Gia	Son	Nam		Kinh	20/10/1996	Hà Nội	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	Office Point 2010		KSVTT		x		Hà Nội
234	149	Lại Tuấn	Son	Nam		Kinh	12/9/1989	Phú Thọ	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
235	150	Ngô Duy	Son	Nam		Kinh	27/12/1991	Hải Dương	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
236	151	Dương Minh	Tâm	Nam		Kinh	17/01/1981	Hà Nội	Đại học	Luật Kinh tế	Anh Bậc 2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
237	152	Đàm Thị	Tâm		Nữ	Kinh	10/8/1990	Hà Nội	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Đại học	CNTTCB		KSVTT		x		Hà Nội
238	153	Lê Tạ	Tấn	Nam		Kinh	23/8/1990	Hải Phòng	Đại học	Kinh tế và thương mại quốc tế	TN tại nước ngoài	B		KSVTT		x		Hà Nội
239	154	Lưu Xuân	Thắng	Nam		Kinh	13/12/1990	Hải Phòng	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
240	155	Đỗ Ngọc	Thắng	Nam		Kinh	23/5/1978	Thái Bình	Đại học	Tài chính Doanh nghiệp	Đại học	CNTTCB		KSVTT		x		Hà Nội
241	156	Nguyễn Thị	Thanh		Nữ	Kinh	01/6/1987	Hưng Yên	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
242	157	Nguyễn Thị	Thanh		Nữ	Kinh	17/7/1992	Hưng Yên	Đại học	Kinh tế đối ngoại	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
243	158	Phạm Vũ	Thành	Nam		Kinh	18/12/1991	Hải Phòng	Thạc sĩ	Kỹ thuật dân dụng, kiến trúc (Ở nước ngoài)	Anh C	CNTTCB		KSVTT		x		Hà Nội

STT	STT	Họ và tên	Giới tính		Dân tộc	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển
			Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học	
244	159	Dương Thu Thảo		Nữ	Kinh	21/8/1996	Hà Nội	Đại học	Thống kê KTXH	Anh B2	CNTTCB		CV làm nv TH, TCHC, KT, VT, PHLN	Tiếng Anh			Hà Nội
245	160	Hoàng Minh Thảo		Nữ	Kinh	18/8/1994	Bắc Giang	Đại học	Luật	Anh TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
246	161	Vũ Thị Phương Thảo		Nữ	Kinh	13/8/1997	Hà Nội	Đại học	Luật Kinh tế	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
247	162	Hà Thu Thảo		Nữ	Kinh	03/02/1996	Bắc Ninh	Đại học	Luật	Anh C	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
248	163	Nguyễn Văn Thịnh	Nam		Kinh	01/9/1984	Hà Nội	Đại học	Kế toán doanh nghiệp	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
249	164	Nguyễn Thị Hòa Thơ		Nữ	Kinh	04/02/1984	Hà Nội	Đại học	Hành chính học	Anh B	B	Con người nhiệm CDHH	CV làm nv TH, TCHC, KT, VT, PHLN	Tiếng Anh			Hà Nội
250	165	Nguyễn Thị Anh Thư		Nữ	Kinh	27/01/1995	Ninh Bình	Đại học	Quản trị Văn phòng	Anh B1	CNTTCB		CV làm nv TH, TCHC, KT, VT, PHLN	Tiếng Anh			Hà Nội
251	166	Nguyễn Anh Thư		Nữ	Kinh	12/02/1997	Hà Tĩnh	Đại học	Tài chính Doanh nghiệp	Anh B2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
252	167	Phí Thị Thúy		Nữ	Kinh	27/7/1990	Hà Nội	Thạc sĩ	Kế toán	Anh TOEFL	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
253	168	Phạm Thị Thùy		Nữ	Kinh	16/6/1987	Hà Nội	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Anh B	CNTTCB		CV làm nv TH, TCHC, KT, VT, PHLN		x		Hà Nội
254	169	Phí Thị Thu Thùy		Nữ	Kinh	05/11/1993	Hà Nội	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
255	170	Dương Thị Bích Thùy		Nữ	Kinh	12/6/1990	Thanh Hóa	Đại học	Ngân hàng thương mại	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
256	171	Đỗ Kỳ Thụy	Nam		Kinh	01/6/1982	Bắc Giang	Đại học	Báo chí	Anh Bậc 3	CNTTCB		CV làm nv TH, TCHC, KT, VT, PHLN	Tiếng Anh			Hà Nội
257	172	Đào Minh Tiến	Nam		Kinh	25/12/1985	Hưng Yên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Anh B1	Đại học	Con TB loại A	KSVTT	Tiếng Anh		x	Hà Nội
258	173	Mai Hoàng Tiến	Nam		Kinh	11/9/1995	Thái Bình	Đại học	Luật	Anh Bậc 2	IC3		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
259	174	Bùi Thị Thu Trâm		Nữ	Kinh	04/01/1994	Thái Bình	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Anh TOEFL	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
260	175	Phạm Thị Thu Trang		Nữ	Kinh	15/9/1996	Thanh Hóa	Thạc sĩ	Quản lý và kinh doanh quốc tế (Ở nước ngoài)	Anh B2	CNTTCB		CV làm nv TH, TCHC, KT, VT, PHLN		x		Hà Nội

STT	STT	Họ và tên	Giới tính		Dân tộc	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển
			Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học	
261	176	Hoàng Thu Trang		Nữ	Kinh	3/17/1994	Hà Nội	Đại học	Luật	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
262	177	Bùi Huyền Trang		Nữ	Kinh	10/12/1994	Quảng Ninh	Thạc sĩ	Luật kinh tế	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
263	178	Nguyễn Hoàng Kiều Trang		Nữ	Kinh	29/10/1995	Hà Nội	Đại học	Luật	Anh TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
264	179	Bùi Huyền Trang		Nữ	Kinh	23/6/1996	Thái Bình	Đại học	Luật kinh doanh	Anh IELTS	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
265	180	Nguyễn Mai Trang		Nữ	Kinh	30/4/1997	Bắc Giang	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
266	181	Đinh Ngọc Minh Trang		Nữ	Kinh	02/12/1997	Ninh Bình	Đại học	Luật kinh tế	Anh B2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
267	182	Trần Đoàn Trang		Nữ	Kinh	04/9/1992	Hưng Yên	Đại học	Kế toán kiểm toán	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
268	183	Phạm Thu Trang		Nữ	Kinh	17/4/1991	Hà Nội	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Đại học	CNTTCB		KSVTT		x		Hà Nội
269	184	Trần Huyền Trang		Nữ	Kinh	16/12/1996	Hà Nam	Đại học	Luật kinh doanh	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
270	185	Đỗ Xuân Trường	Nam		Kinh	12/6/1992	Hà Nội	Đại học	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
271	186	Nguyễn Xuân Trường	Nam		Kinh	31/10/1989	Thái Bình	Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
272	187	Lê Anh Tú	Nam		Kinh	14/3/1996	Hà Nội	Đại học	Tư pháp Hình sự	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
273	188	Cát Duy Tú	Nam		Kinh	27/8/1991	Hà Nội	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
274	189	Đỗ Thanh Tú	Nam		Kinh	22/11/1994	Thái Bình	Đại học	Luật	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
275	190	Tạ Thanh Tú	Nam		Kinh	09/12/1988	Ninh Bình	Thạc sĩ	Kinh tế và tài chính ngân hàng	Đại học	CNTTCB		KSVTT		x		Hà Nội
276	191	Tô Anh Tuấn	Nam		Kinh	27/06/1989	Hà Nội	Đại học	Luật Kinh tế	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
277	192	Nguyễn Trọng Tuấn	Nam		Kinh	05/5/1987	Hà Nội	Đại học	Kinh tế đối ngoại	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
278	193	Vũ Minh Tuấn	Nam		Kinh	22/7/1992	Hải Dương	Đại học	Tài chính	Đã học hết	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội

STT	STT	Họ và tên		Giới tính		Dân tộc	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học	
279	194	Trịnh Quang	Tuấn	Nam		Kinh	04/02/1995	Ninh Bình	Đại học	Tài chính công	Anh TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
280	195	Nguyễn Xuân	Tùng	Nam		Nùng	15/7/1997	Bắc Giang	Đại học	Quản trị nhân lực	Anh Bậc 3	CNTTCB	Người DT	CV làm nv TH, TCHC, KT, VT, PHLN	Tiếng Anh			Hà Nội
281	196	Ngô Thanh	Tùng		Nữ	Kinh	28/5/1987	Hà Nội	Đại học	Luật	Anh Bậc 2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
282	197	Nguyễn Đức	Tùng	Nam		Kinh	13/11/1994	Nam Định	Đại học	Tài chính Doanh nghiệp	Anh Bậc 2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
283	198	Nguyễn Văn	Tùng	Nam		Kinh	01/10/1995	Hà Nội	Thạc sĩ	Kế toán	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
284	199	Nguyễn Thị	Tuyết		Nữ	Kinh	20/10/1990	Hà Nội	Đại học	Luật	Anh Bậc 2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
285	200	Nguyễn Thu	Vân		Nữ	Kinh	10/11/1989	Hà Nội	Đại học	Luật	Đại học	B		CV làm nv TH, TCHC, KT, VT, PHLN		x		Hà Nội
286	201	Nguyễn Thị Minh	Vân		Nữ	Kinh	25/8/1996	Hà Nội	Đại học	Tài chính - Ngân hàng TM	Anh TOEIC	IC3		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
287	202	Nguyễn Bích	Vân		Nữ	Kinh	02/02/1988	Hải Dương	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
288	203	Ngô Phương	Vị	Nam		Kinh	5/10/1997	Hà Nội	Đại học	Luật Kinh tế	Anh TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
289	204	Trần Đức	Vinh	Nam		Kinh	10/10/1993	Nghệ An	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Anh B1	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
290	205	Nguyễn Phú	Vinh	Nam		Kinh	05/9/1994	Phú Thọ	Đại học	Bảo hiểm ngân hàng (Ở nước ngoài)	Anh TOEIC	CNTTCB		KSVTT		x		Hà Nội
291	206	Nguyễn Thị	Xuyến		Nữ	Kinh	14/01/1990	Hà Nội	Đại học	Tài chính Doanh nghiệp	Anh B	VP		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
292	207	Nguyễn Thị Hải	Yến		Nữ	Kinh	21/02/1994	Hà Nội	Đại học	Kế toán	Anh TOEIC	CNTTCB		CV làm nv TH, TCHC, KT, VT, PHLN	Tiếng Anh			Hà Nội
293	208	Lê Thị	Yến		Nữ		04/6/1990	Hà Nội	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Nội
		CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH HÀ TĨNH																
294	1	Trần Thị Mai	Anh		Nữ	Kinh	10/12/1993	Hà Tĩnh	Đại học	Luật Hành chính- NN	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Tĩnh
295	2	Nguyễn Thị	Dung		Nữ	Kinh	18/8/1989	Hà Tĩnh	Thạc sĩ	Kế toán	Anh C	B	Con TB 4/4	KSVTT	Tiếng Anh			Hà Tĩnh

STT	STT	Họ và tên		Giới tính		Dân tộc	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học	
296	3	Phan Thị Thùy	Dung		Nữ	Kinh	26/4/1996	Hà Tĩnh	Đại học	Luật	Anh B	IC3		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Tĩnh
297	4	Nguyễn Văn Đạt		Nam		Kinh	06/12/1994	Hà Tĩnh	Đại học	Tài chính - Ngân hàng TM	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Tĩnh
298	5	Nguyễn Văn Đạt		Nam		Kinh	12/6/1994	Hà Tĩnh	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh B	THUD B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Tĩnh
299	6	Mai Thị Hà	Giang		Nữ	Kinh	04/02/1996	Quảng Bình	Đại học	Luật	Anh B	CNTTNC		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Tĩnh
300	7	Nguyễn Thị Minh	Giang		Nữ	Kinh	28/02/1995	Hà Tĩnh	Đại học	Luật Hành chính- NN	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Tĩnh
301	8	Hoàng Ngân	Hà		Nữ	Kinh	29/11/1993	Hà Tĩnh	Đại học	Kế toán tổng hợp	Anh TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Tĩnh
302	9	Võ Bùi Hạnh			Nữ	Kinh	17/5/1996	Hà Tĩnh	Đại học	Luật kinh tế	Anh Bậc 3	CNTTNC		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Tĩnh
303	10	Biện Thị Huế			Nữ	Kinh	10/01/1997	Hà Tĩnh	Đại học	Kinh tế luật	Anh A2	CNTTNC	Bệnh binh 2/3	KSVTT	Tiếng Anh			Hà Tĩnh
304	11	Cù Thị Ái	Lê		Nữ	Kinh	31/3/1994	Hà Tĩnh	Đại học	Kinh tế đối ngoại	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Tĩnh
305	12	Dương Thị Bích Liên			Nữ	Kinh	25/08/1987	Hà Tĩnh	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Tĩnh
306	13	Phạm Thùy Linh			Nữ	Kinh	14/6/1996	Hà Tĩnh	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTNC		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Tĩnh
307	14	Phạm Lợi		Nam		Kinh	03/09/1997	Hà Tĩnh	Đại học	Tư pháp Hình sự	Anh B1	CNTTNC		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Tĩnh
308	15	Nguyễn Thị Ngọc Mai			Nữ	Kinh	14/12/1989	Hà Tĩnh	Đại học	Kế toán doanh nghiệp	Anh C	B	Con TB 35%	KSVTT	Tiếng Anh			Hà Tĩnh
309	16	Nguyễn Lê Kiều My			Nữ	Kinh	10/7/1995	Hà Tĩnh	Đại học	Tư pháp hình sự	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Tĩnh
310	17	Nguyễn Thị Bích Ngọc			Nữ	Kinh	09/4/1991	Hà Tĩnh	Thạc sĩ	Quản lý Kinh tế	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Tĩnh
311	18	Trương Thị Oanh			Nữ	Kinh	04/7/1997	Hà Tĩnh	Đại học	Luật	Anh TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Tĩnh
312	19	Phạm Thị Kim Thơm			Nữ	Kinh	13/8/1987	Hà Tĩnh	Đại học	Kế toán	Anh B	A	Con TB 4/4	KSVTT	Tiếng Anh			Hà Tĩnh
313	20	Trần Thị Thu			Nữ	Kinh	06/6/1988	Hà Tĩnh	Thạc sĩ	Quản lý Kinh tế và chính sách	Anh B	B	Con TB 3/4	KSVTT	Tiếng Anh			Hà Tĩnh

STT	STT	Họ và tên		Giới tính		Dân tộc	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học	
314	21	Võ Bằng	Thương		Nữ	Kinh	10/10/1989	Hà Tĩnh	Đại học	Kinh tế thương mại	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Tĩnh
315	22	Trần Thị Thu	Trà		Nữ	Kinh	08/02/1997	Hà Tĩnh	Đại học	Luật thương mại	Anh Bậc 3	A		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Tĩnh
316	23	Bùi Thị Thanh	Tú		Nữ	Kinh	21/02/1997	Hà Tĩnh	Đại học	Luật	Anh TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Tĩnh
317	24	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam		Kinh	20/3/1996	Hà Tĩnh	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Tĩnh
318	25	Nguyễn Thị Cẩm	Vân		Nữ	Kinh	16/11/1995	Hà Tĩnh	Đại học	Kinh tế và Quản lý đô thị	Anh B2	IC3		KSVTT	Tiếng Anh			Hà Tĩnh
319	26	Lê Thị Cẩm	Vân		Nữ	Kinh	05/8/1997	Hà Tĩnh	Đại học	Luật kinh tế	Anh B1	CNTTNC	Con người nhiễm CĐHH	KSVTT	Tiếng Anh			Hà Tĩnh
		CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG																
320	1	Trần Viết	Cường	Nam		Kinh	20/08/1984	Hải Phòng	Thạc sĩ	Quản lý Kinh tế	Anh B	Kỹ sư		KSVTT	Tiếng Anh		x	Hải Phòng
321	2	Trần Thị Lê	Hằng		Nữ	Kinh	01/11/1990	Thái Bình	Đại học	Kế toán tổng hợp	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hải Phòng
322	3	Nguyễn Thị Thanh	Hoa		Nữ		09/12/1990	Phủ Thọ	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hải Phòng
323	4	Phạm Lê Thu	Hương		Nữ	Kinh	12/8/1993	Hải Phòng	Đại học	Quản trị tài chính kế toán	Đại học	CNTTCB		KSVTT		x		Hải Phòng
324	5	Lê Thị Mai	Liên		Nữ	Kinh	26/10/1993	Hải Phòng	Đại học	Luật Kinh tế	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hải Phòng
325	6	Nguyễn Lê Ngọc	Linh		Nữ	Kinh	14/11/1993	Nghệ An	Đại học	Kế toán kiểm toán	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hải Phòng
326	7	Đoàn Thu	Phương		Nữ		26/12/1989	Hải Phòng	Đại học	Ngân hàng thương mại	Anh C	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hải Phòng
327	8	Nguyễn Ngọc	Quý		Nữ	Kinh	17/05/1992	Bắc Kạn	Đại học	Kinh tế ngoại thương	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hải Phòng
328	9	Phạm Đức	Quý	Nam		Kinh	22/5/1990	Thái Bình	Đại học	Kế toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hải Phòng
329	10	Nguyễn Tiến	Thành	Nam			05/01/1990	Hưng Yên	Đại học	Kế toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hải Phòng
330	11	Tăng Bá	Tho	Nam		Kinh	20/9/1980	Hải Dương	Thạc sĩ	Tổ chức và quản lý vận tải	Anh C	CNTTCB	Con TB 4/4	KSVTT	Tiếng Anh			Hải Phòng

STT	STT	Họ và tên		Giới tính		Dân tộc	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học	
331	12	Nguyễn Quỳnh	Trang		Nữ	Kinh	3/27/1987	Thái Bình	Đại học	Kế toán	Anh Bậc 2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Hải Phòng
		CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH HÒA BÌNH																
332	1	Nguyễn Đức	Bảng	Nam		Kinh	05/4/1975	Thái Bình	Thạc sĩ	Kinh tế Nông nghiệp	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Hòa Bình
333	2	Nguyễn Đăng	Đức	Nam		Kinh	23/8/1996	Hà Nam	Đại học	Tài chính	Anh C, CC tiếng DT	CNTTCB		KSVTT		x		Hòa Bình
334	3	Trịnh Quỳnh	Trang		Nữ	Kinh	2/15/1997	Hải Phòng	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	CC tiếng DT	CNTTCB		KSVTT		x		Hòa Bình
335	4	Bùi Quốc	Văn	Nam		Mường	08/8/1983	Hòa Bình	Đại học	Kinh tế Nông nghiệp	Anh Bậc 2	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Hòa Bình
		CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH LẠNG SƠN																
336	1	Nghiêm Minh	Đức	Nam		Kinh	17/9/1981	Bắc Ninh	Thạc sĩ	Quản trị doanh nghiệp	Anh B1	B		KSVTT	Tiếng Anh			Lạng Sơn
337	2	Lê Thị Thúy	Hằng		Nữ	Kinh	19/8/1995	Hà Nội	Đại học	Luật Hình sự	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Lạng Sơn
338	3	Trần Hồng	Hạnh		Nữ	Nùng	12/03/1994	Lạng Sơn	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Anh Bậc 3	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Lạng Sơn
339	4	Trần Minh	Khang	Nam		Nùng	07/9/1997	Lạng Sơn	Đại học	Kinh tế đối ngoại	Anh B2	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Lạng Sơn
340	5	Đoàn Bích	Liên		Nữ	Tày	01/12/1994	Lạng Sơn	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Lạng Sơn
341	6	Nguyễn Công	Minh	Nam		Kinh	21/8/1995	Bắc Ninh	Đại học	Tài chính quốc tế	Anh TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Lạng Sơn
342	7	Phùng Thị Anh	Nhó		Nữ	Nùng	04/02/1997	Lạng Sơn	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Lạng Sơn
343	8	Đinh Minh	Phong	Nam		Kinh	01/9/1985	Nam Định	Đại học	Kỹ sư Kinh tế xây dựng	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Lạng Sơn
344	9	Hoàng Thị	Thơm		Nữ	Nùng	30/5/1994	Lạng Sơn	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Lạng Sơn
345	10	Hoàng Thị Phương	Thúy		Nữ	Tày	15/10/1995	Lạng Sơn	Đại học	Quản trị văn phòng	Anh TOEFL	IC3	Người DT	KSVTT		x		Lạng Sơn
346	11	Hoàng Minh	Tú	Nam		Tày	14/12/1983	Lạng Sơn	Đại học	Kỹ sư CNTT	Anh C	Kỹ sư	Người DT	KSVTT		x		Lạng Sơn
347	12	Lê Việt	Tuân	Nam		Tày	23/10/1994	Lạng Sơn	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh B	B	Người DT	KSVTT		x		Lạng Sơn

STT	STT	Họ và tên		Giới tính		Dân tộc	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học	
348	13	Nông Thanh	Tùng	Nam		Tây	18/10/1991	Lạng Sơn	Đại học	Luật	Anh B	Kỹ sư	Người DT	KSVTT		x	x	Lạng Sơn
349	14	Dương Thị	Việt		Nữ	Tây	21/02/1991	Lạng Sơn	Thạc sĩ	Đại lý học	Anh TOEFL	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Lạng Sơn
350	15	Hồ Thiên	Vũ	Nam		Kinh	10/01/1994	Thừa Thiên Huế	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Lạng Sơn
		CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH NAM ĐỊNH																
351	1	Đặng Thành	Công	Nam		Kinh	10/25/1979	Lạng Sơn	Đại học	Kế toán	Tiếng Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
352	2	Nguyễn Thị Kim	Dung		Nữ	Kinh	15/01/1985	Phú Thọ	Thạc sĩ	Thương mại	Anh TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
353	3	Hà Văn	Dương	Nam		Kinh	24/6/1995	Bắc Giang	Đại học	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
354	4	Phạm Ngọc	Duy	Nam		Kinh	17/4/1991	Nam Định	Đại học	Luật Kinh tế	Anh B1	IC3		KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
355	5	Nguyễn Khương	Duy	Nam		Kinh	25/8/1997	Hà Nội	Đại học	Quản lý nhà nước (Thanh tra)	Anh TOEFP	IC3		KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
356	6	Phạm Tuấn	Dũng	Nam			24/10/1986	Ninh Bình	Đại học	Kỹ thuật điện	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
357	7	Hoàng Minh	Đức	Nam		Kinh	29/3/1980	Nam Định	Đại học	Quản lý kinh tế	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
358	8	Nông Thị Thu	Giang		Nữ	Tây	22/10/1993	Lạng Sơn	Đại học	Luật	Anh B1	B	Người DT	KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
359	9	Nguyễn Tiến	Giang	Nam		Kinh	13/10/1996	Bắc Giang	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
360	10	Đặng Thu	Hằng		Nữ	Kinh	4/16/1992	Nam Định	Đại học	Kế toán	Anh B	Tin học UD B		KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
361	11	Vũ Thị	Hoài		Nữ	Kinh	15/10/1988	Nam Định	Đại học	Kế toán tài chính DNSX	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
362	12	Nguyễn Khánh	Hoàng	Nam		Kinh	1/30/1994	Vĩnh Phúc	Đại học	Tài chính ngân hàng	Anh TOEIC	Tin học VP B		KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
363	13	Nguyễn Diệu	Huế		Nữ	Kinh	25/8/1993	Hà Nội	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
364	14	Nguyễn Thị	Huệ		Nữ	Kinh	16/10/1982	Nam Định	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Anh B1	B		KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định

STT	STT	Họ và tên		Giới tính		Dân tộc	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học	
365	15	Phạm Văn	Hùng	Nam		Kinh	02/8/1987	Nam Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
366	16	Trần Thị Thu	Huyền		Nữ	Kinh	09/01/1997	Nam Định	Đại học	Kiểm toán	Anh TOEIC	Microsoft		KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
367	17	Bùi Nguyên	Khang	Nam		Kinh	05/10/1983	Hà Nội	Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
368	18	Khuong Thành	Lâm	Nam		Kinh	3/10/1990	Hà Nội	Đại học	Kế toán	Tiếng Anh B	Tin học VP B		KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
369	19	Cù Tiến	Lập	Nam		Kinh	18/10/1990	Hà Nam	Đại học	Kế toán	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
370	20	Trần Thị Nhật	Linh		Nữ	Kinh	17/11/1994	Hưng Yên	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
371	21	Phạm Khánh	Linh		Nữ	Kinh	27/10/1997	Nam Định	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
372	22	Phạm Thị Thùy	Linh		Nữ	Kinh	05/5/1994	Hà Nam	Đại học	Luật thương mại quốc tế	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
373	23	Đỗ Thị	Mai		Nữ	Kinh	02/05/1997	Ninh Bình	Đại học	Kinh tế đối ngoại	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
374	24	Trần Hữu	Mạnh	Nam		Kinh	26/6/1984	Nam Định	Đại học	Kế toán tài chính DNSX	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
375	25	Doãn Trà	My		Nữ	Kinh	30/10/1993	Nam Định	Đại học	Tài chính-Doanh nghiệp	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
376	26	Nguyễn Tiến	Nam	Nam		Kinh	21/10/1994	Thái Bình	Đại học	Kinh tế đối ngoại	Anh TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
377	27	Hoàng Thị	Nga		Nữ	Nùng	27/6/1990	Bắc Kạn	Đại học	Sư phạm Kỹ thuật Điện	Anh Bậc 2	CNTTCB	Người DT	KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
378	28	Trần Thị Thủy	Nga		Nữ	Kinh	31/7/1997	Nam Định	Đại học	Luật	Anh B	IC3		KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
379	29	Đặng Xuân	Phúc	Nam		Kinh	11/25/1985	Thái Bình	Thạc sĩ	Kỹ thuật điện (Ở nước ngoài)	Anh Bậc 2	CNTTCB		KSVTT		x		Nam Định
380	30	Nguyễn Thị Khánh	Phương		Nữ	Kinh	01/7/1990	Hà Nội	Đại học	Kế toán	Anh Bậc 3	B		KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
381	31	Lý Hoàng	Quý	Nam		Nùng	01/11/1996	Lạng Sơn	Đại học	Luật kinh tế	Tiếng Anh TOEFL CC tiếng DT	CNTTCB	Người DT	KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
382	32	Lâm Thị	Quỳnh		Nữ	Kinh	15/01/1986	Nam Định	Đại học	Kế toán	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định

STT	STT	Họ và tên		Giới tính		Dân tộc	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học	
383	33	Quách Thị	Thanh		Nữ	Mường	17/7/1995	Thanh Hóa	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB	Người DT, Con TB 1/4	KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
384	34	Đỗ Trung	Thành	Nam		Kinh	7/13/1997	Nam Định	Đại học	Tài chính bảo hiểm	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
385	35	Nguyễn Như	Thịnh	Nam		Kinh	06/12/1994	Hà Nam	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
386	36	Phạm Thị Thanh	Thúy		Nữ	Kinh	05/09/1994	Nam Định	Đại học	Tư pháp Hình sự	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
387	37	Nguyễn Văn	Tiên	Nam		Kinh	05/3/1989	Nam Định	Đại học	Kế toán tổng hợp	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
388	38	Hồ Ngọc	Trâm		Nữ	Kinh	01/02/1996	Nam Định	Đại học	Tư pháp Hình sự	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
389	39	Nguyễn Thành	Trung	Nam		Thái	08/5/1996	Hải Dương	Đại học	Tài chính Doanh nghiệp	Anh B2	CNTTCB	Người DT	KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
390	40	Lưu Văn	Trường	Nam		Kinh	04/01/1993	Nam Định	Đại học	Quản lý xã hội	Anh B1	B		KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
391	41	Trần Trí	Tùng	Nam		Kinh	02/3/1993	Hà Nội	Đại học	Quản lý Xây dựng	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
392	42	Nguyễn Thị	Vân		Nữ	Kinh	13/12/1992	Nam Định	Đại học	Quản lý kinh tế	Anh B	B	Con TB loại A	KSVTT	Tiếng Anh			Nam Định
		CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NINH																
393	1	Đặng Đình	An	Nam		Kinh	10/27/1986	Thái Bình	Đại học	Luật kinh tế	Anh Bậc 2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ninh
394	2	Đào Thị Lan	Chi		Nữ	Kinh	01/6/1993	Hải Phòng	Thạc sĩ	Tài chính và Đầu tư (ĐT bằng tiếng Anh)	Anh B	B		KSVTT		x	Quảng Ninh	
395	3	Nguyễn Minh	Cường	Nam		Kinh	10/8/1992	Hải Dương	Thạc sĩ	Luật Kinh tế	Anh B	B	Tham gia ĐA 500 của CP	KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ninh
396	4	Mai Xuân Hồng	Hà	Nam		Kinh	22/05/1996	Nam Định	Đại học	Kế toán	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ninh
397	5	Vũ Thúy	Hòa		Nữ	Kinh	27/03/1996	Quảng Ninh	Đại học	Tài chính quốc tế	Anh TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ninh
398	6	Vũ Trọng	Hoàn	Nam		Kinh	21/3/1994	Hải Dương	Đại học	Kế toán tổng hợp	Anh C	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ninh
399	7	Phí Phi	Hoàng	Nam		Kinh	18/4/1994	Quảng Ninh	Đại học	Quản lý nhà nước	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ninh
400	8	Nguyễn Thị Thu	Hồng		Nữ	Kinh	23/11/1990	Bắc Ninh	Đại học	Công nghệ Môi trường	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ninh

STT	STT	Họ và tên		Giới tính		Dân tộc	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học	
401	9	Nguyễn Diệu	Huyền		Nữ	Kinh	20/01/1994	Hà Nam	Đại học	Tài chính Doanh nghiệp	Anh B2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ninh
402	10	Nguyễn Thị	Lánh		Nữ	Kinh	28/02/1995	Ninh Bình	Đại học	Quản lý Tổ chức và nhân sự	Anh A2	IC3		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ninh
403	11	Trương Lê Tuấn	Linh	Nam		Kinh	9/19/1993	Hải Dương	Đại học	Luật Kinh tế	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ninh
404	12	Trần Vũ Phương	Linh		Nữ	Kinh	16/12/1997	Thái Bình	Đại học	Kinh tế quốc tế	Anh TOEIC	B		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ninh
405	13	Nguyễn Văn	Lộc	Nam		Kinh	01/11/1991	Hà Nội	Đại học	Chính trị phát triển	Anh Bậc 2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ninh
406	14	Tô Xuân	Phương	Nam		Sán Diu	24/01/1996	Quảng Ninh	Đại học	Luật kinh tế	Anh Bậc 3	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Quảng Ninh
407	15	Phạm Thị Tú	Quyên		Nữ	Kinh	09/9/1991	Nam Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	TN ở nước ngoài	B		KSVTT		x		Quảng Ninh
408	16	Nguyễn Trang	Thanh	Nam		Kinh	22/3/1994	Quảng Ninh	Đại học	Luật thương mại	Đại học	B		KSVTT		x		Quảng Ninh
409	17	Nguyễn Phương	Thảo		Nữ	Kinh	10/11/1996	Hung Yên	Đại học	Luật	Anh C	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ninh
410	18	Hoàng Thị Phương	Thảo		Nữ	Kinh	24/12/1990	Quảng Ninh	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ninh
411	19	Hoàng Thị	Thùy		Nữ	Kinh	24/5/1992	Hải Phòng	Đại học	Khoa học môi trường	Anh A2	IC3		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ninh
412	20	Nguyễn Thế	Trung	Nam		Kinh	19/4/1993	Thái Bình	Đại học	Tài chính Doanh nghiệp	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ninh
413	21	Lê Hồng	Tuân	Nam		Kinh	02/10/1983	Hà Nội	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Anh TOEIC	Đại học		KSVTT	Tiếng Anh		x	Quảng Ninh
414	22	Nguyễn Anh	Tuân	Nam		Kinh	31/12/1995	Quảng Ninh	Đại học	Luật	Anh TOEFL	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ninh
415	23	Hoàng	Tùng	Nam		Kinh	06/6/1992	Thái Bình	Thạc sĩ	Luật kinh tế	Anh Bậc 3	B		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ninh
416	24	Nguyễn Quang	Vũ	Nam		Kinh	23/02/1996	Hung Yên	Đại học	Tài chính Doanh nghiệp	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ninh
417	25	Phạm Thị Thanh	Xuân	Nam		Kinh	08/7/1996	Thái Bình	Đại học	Tiếng Anh pháp lý	Đại học	CNTTCB		KSVTT		x		Quảng Ninh
418	26	Nguyễn Thị Hải	Yến		Nữ	Kinh	17/6/1989	Nam Định	Đại học	Luật Quốc tế	Đại học	B		KSVTT		x		Quảng Ninh

STT	STT	Họ và tên	Giới tính		Dân tộc	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển
			Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học	
		CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH SƠN LA															
419	1	Lò Bình An	Nam		Thái	30/10/1995	Sơn La	Đại học	Tài chính	Anh B	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Sơn La
420	2	Đào Thị Minh Anh		Nữ	Kinh	25/12/1997	Sơn La	Đại học	Luật	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Sơn La
421	3	Nguyễn Thị Phương Anh		Nữ	Kinh	30/9/1995	Hà Nội	Đại học	Luật Kinh tế	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Sơn La
422	4	Trần Thị Ngọc Ánh		Nữ	Kinh	24/3/1985	Nam Định	Đại học	Kế toán	Anh B; CC tiếng DT	Đại học		KSVTT		x	x	Sơn La
423	5	Lò Văn Chanh	Nam		Thái	17/5/1996	Sơn La	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	Anh B	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Sơn La
424	6	Đặng Linh Chi		Nữ	Kinh	6/18/1994	Thái Bình	Đại học	Kế toán	Anh A2; CC tiếng DT	CNTTCB		KSVTT		x		Sơn La
425	7	Lò Thị Mai Chi		Nữ	Thái	08/12/1997	Sơn La	Đại học	Luật Kinh tế	Anh Bậc 3	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Sơn La
426	8	Vì Yến Chi		Nữ	Thái	05/5/1996	Hòa Bình	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Sơn La
427	9	Lê Đức Chính	Nam		Thái	14/08/1994	Thanh Hóa	Đại học	Khoa học môi trường	Anh B2	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Sơn La
428	10	Nguyễn Văn Duy	Nam		Kinh	10/02/1994	Hải Dương	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh TOEFL	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Sơn La
429	11	Sôi Ngọc Đông	Nam		Thái	11/11/1984	Sơn La	Đại học	Kế toán TCDN thương mại	Anh B	B	Người DT	KSVTT		x		Sơn La
430	12	Nguyễn Thị Thu Hà		Nữ	Kinh	01/5/1995	Hà Nội	Đại học	Luật Kinh tế	Anh Bậc 3	B		KSVTT	Tiếng Anh			Sơn La
431	13	Đỗ Trọng Hải	Nam		Kinh	06/7/1987	Hung Yên	Đại học	Luật	CC tiếng DT Thái	CNTTCB		KSVTT		x		Sơn La
432	14	Nguyễn Văn Hiệu	Nam		Kinh	15/8/1989	Hung Yên	Đại học	Công nghệ thông tin	Anh C	Đại học		KSVTT	Tiếng Anh		x	Sơn La
433	15	Nguyễn Thị Thu Hòa		Nữ	Kinh	06/3/1996	Hà Nội	Đại học	Tư pháp Hình sự	Anh B1	CNTTCB	Không	KSVTT	Tiếng Anh			Sơn La
434	16	Đặng Khánh Linh		Nữ	Kinh	12/10/1997	Tuyên Quang	Đại học	Quản trị kinh doanh tổng hợp	Anh Bậc 2	Tin học MOS		KSVTT	Tiếng Anh			Sơn La
435	17	Phùng Thị Thùy Linh		Nữ	Kinh	23/7/1989	Hà Nội	Đại học	Kế toán	Anh B	C		KSVTT	Tiếng Anh			Sơn La
436	18	Trịnh Vĩnh Long	Nam		Kinh	17/6/1991	Thanh Hóa	Đại học	Kỹ sư kỹ thuật Công trình XD	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Sơn La

STT	STT	Họ và tên		Giới tính		Dân tộc	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học	
437	19	Nông Đức	Mạnh	Nam		Thái	04/9/1992	Sơn La	Đại học	Kế toán	Anh A2	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Sơn La
438	20	Cà Thị	Ngân		Nữ	Thái	08/4/1991	Sơn La	Đại học	Sư phạm Văn	Tiếng Anh B CC tiếng DT	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Sơn La
439	21	Cầm Thị Bích	Ngọc		Nữ	Thái	23/02/1994	Sơn La	Đại học	Quản lý nhà nước về Kinh tế	CC tiếng DT	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Sơn La
440	22	Bùi Thế	Như	Nam		Kinh	23/8/1989	Thái Bình	Đại học	Kế toán	Anh A2	CNTTCB	Bộ đội xuất ngũ	KSVTT	Tiếng Anh			Sơn La
441	23	Lương Thị Ánh	Nhung		Nữ	Thái	22/9/1996	Sơn La	Đại học	Công tác xã hội	Anh Bậc 3	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Sơn La
442	24	Lò Văn	Thành	Nam		Thái	09/03/1997	Sơn La	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh A2	Tin học MOS	Người DT	KSVTT		x		Sơn La
443	25	Nguyễn Thị Phương	Thảo		Nữ	Kinh	26/12/1995	Hà Tĩnh	Đại học	Luật thương mại	CC tiếng DT Thái	CNTTCB		KSVTT		x		Sơn La
444	26	Hà Thị Mai	Thêu		Nữ	Thái	15/7/1997	Sơn La	Đại học	Kinh tế giáo dục	Anh B1	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Sơn La
445	27	Vũ Hòa	Thuận	Nam		Kinh	03/8/1995	Thanh Hóa	Đại học	Luật	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Sơn La
446	28	Lưu Bá	Trung	Nam		Kinh	20/9/1997	Hà Nội	Đại học	Kế toán	Anh TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Sơn La
		CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH NINH BÌNH																
447	1	Dương Thị Phương	Anh		Nữ	Kinh	07/01/1992	Hà Nội	Đại học	Kế toán	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
448	2	Nguyễn Thùy	Ánh		Nữ	Kinh	3/11/1991	Yên Bái	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Anh B1	B		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
449	3	Đinh Ngọc	Ánh		Nữ	Kinh	08/7/1997	Ninh Bình	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
450	4	Đỗ Đào	Chương	Nam		Kinh	25/5/1991	Hà Nam	Đại học	Kế toán Doanh nghiệp	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
453	5	Nguyễn Minh	Dương	Nam		Kinh	10/10/1988	Bắc Ninh	Thạc sĩ	Kế toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
454	6	Nguyễn Văn	Định	Nam		Kinh	08/5/1974	Ninh Bình	Đại học	Kế toán tài chính DN thương mại	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
455	7	Phạm Xuân	Đức	Nam		Kinh	04/06/1985	Ninh Bình	Đại học	Marketing Thương mại	Anh B	B	Con BB 73%	KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình

STT	STT	Họ và tên		Giới tính		Dân tộc	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học	
456	8	Đặng Long	Giang	Nam		Kinh	23/02/1987	Ninh Bình	Đại học	Kế toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
457	9	Vũ Thị Trà	Giang		Nữ	Kinh	10/18/1993	Ninh Bình	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh Bậc 2	B		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
458	10	Đường Hoàng	Giang	Nam		Kinh	06/03/1993	Hà Tĩnh	Đại học	Kiểm toán	Anh C	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
459	11	Đinh Hương	Giang		Nữ	Kinh	31/8/1997	Ninh Bình	Đại học	Luật Thương mại quốc tế	Anh B2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
460	12	Phạm Nam	Hải	Nam		Kinh	20/9/1976	Ninh Bình	Đại học	Quản lý Tài chính công	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
461	13	Lê Hồng	Hải	Nam		Kinh	15/7/1990	Hà Nội	Đại học	Luật	Anh Bậc 2	Cao đẳng công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
462	14	Phùng Thị	Hoa		Nữ	Kinh	07/11/1995	Hà Nội	Đại học	Kế toán Doanh nghiệp	Anh Bậc 2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
463	15	Đỗ Xuân	Học	Nam		Kinh	17/7/1991	Ninh Bình	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
464	16	Nguyễn Xuân	Hùng	Nam		Kinh	28/02/1996	Nam Định	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
465	17	Nguyễn Thế	Hùng	Nam		Kinh	25/12/1977	Ninh Bình	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Đại học	B		KSVTT		x		Ninh Bình
466	18	Phạm Quốc	Hưng	Nam		Kinh	8/5/1989	Quảng Ninh	Đại học	Luật Kinh tế	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
467	19	Tạ Duy	Hưng	Nam		Kinh	25/11/1984	Ninh Bình	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
468	20	Phạm Quang	Hưng	Nam		Kinh	27/11/1991	Hà Nam	Đại học	Kế toán Doanh nghiệp	Anh C	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
469	21	Tạ Thị Mai	Hương		Nữ	Kinh	13/3/1995	Ninh Bình	Đại học	Kế toán Doanh nghiệp	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
470	22	Đào Sỹ	Hữu	Nam		Kinh	05/11/1993	Ninh Bình	Đại học	Quản trị kinh doanh (Ở nước ngoài)	TN tại nước ngoài	CNTTCB		KSVTT		x		Ninh Bình
471	23	Phạm Thị	Huyền		Nữ	Kinh	21/01/1989	Ninh Bình	Đại học	Kế toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
472	24	Bùi Trung	Kiên	Nam		Kinh	31/5/1982	Ninh Bình	Đại học	Kế toán	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
473	25	Nghiêm Thị	Kiều		Nữ	Kinh	12/6/1994	Ninh Bình	Đại học	Kế toán	Anh B	CNTTCB	Con BB 2/3	KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình

STT	STT	Họ và tên	Giới tính		Dân tộc	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển
			Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học	
474	26	Nguyễn Hoàng Linh	Nam		Kinh	10/28/1990	Ninh Bình	Đại học	Kế toán Doanh nghiệp	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
475	27	Quách Mạnh Linh	Nam		Kinh	08/9/1989	Ninh Bình	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Anh Bậc 3	B		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
476	28	Đinh Xuân Nghiêm	Nam		Kinh	14/4/1987	Ninh Bình	Đại học	Luật Kinh tế	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
477	29	Lê Cao Hải Nguyên	Nam		Kinh	18/01/1986	Ninh Bình	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
478	30	Bùi Thị Thanh Nhân		Nữ	Kinh	27/01/1994	Ninh Bình	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
479	31	Nguyễn Thị Nhung		Nữ	Kinh	18/8/1985	Ninh Bình	Đại học	Quản lý Tài chính công	Anh B	B	Con BB 2/3	KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
480	32	Phạm Thị Khánh Ninh		Nữ	Kinh	22/6/1994	Ninh Bình	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
481	33	Quản Thị Nụ		Nữ	Kinh	02/7/1989	Hà Nội	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
482	34	Chu Đình Phúc	Nam		Kinh	31/8/1979	Ninh Bình	Đại học	Kế toán	Anh B	B	Con người nhiệm CĐHH	KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
483	35	Tạ Thị Phương		Nữ		20/4/1993	Ninh Bình	Thạc sĩ	Kinh tế (Ở nước ngoài)	Anh C	CNTTCB		KSVTT		x		Ninh Bình
484	36	Phạm Ngọc Sang	Nam		Kinh	16/4/1987	Ninh Bình	Đại học	Kế toán Doanh nghiệp	Anh B1	B		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
485	37	Nguyễn Nhật Thành	Nam		Kinh	27/01/1995	Ninh Bình	Đại học	Luật Kinh tế	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
486	38	Nguyễn Văn Thành	Nam		Kinh	10/8/1981	Hà Nội	Đại học	Kế toán tài chính doanh nghiệp TM	Anh B	THCN		KSVTT	Tiếng Anh		x	Ninh Bình
487	39	Trần Thị Hải Trang		Nữ	Kinh	09/10/1993	Ninh Bình	Thạc sĩ	Luật Hiến pháp và hành chính	Anh B1	B		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
488	40	Vũ Thị Huyền Trang		Nữ	Kinh	12/11/1997	Nam Định	Đại học	Kế toán Doanh nghiệp	Anh Bậc 2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
489	41	Nguyễn Đức Tuấn	Nam		Kinh	25/5/1990	Vĩnh Phúc	Đại học	Luật	Anh C	Đại học		KSVTT	Tiếng Anh		x	Ninh Bình
490	42	Nguyễn Anh Tùng	Nam		Kinh	11/15/1996	Ninh Bình	Đại học	Kế toán	Anh C	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
491	43	Trần Thị Ánh Tuyết		Nữ	Kinh	15/02/1996	Ninh Bình	Đại học	Quản trị tài chính	Anh Bậc 2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình

STT	STT	Họ và tên		Giới tính		Dân tộc	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học	
492	44	Trần Đức	Ước	Nam		Kinh	10/10/1983	Ninh Bình	Đại học	Quản trị kinh doanh thương mại	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
493	45	Lại Thị	Yến		Nữ	Kinh	03/9/1982	Ninh Bình	Đại học	Kế toán Doanh nghiệp	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Bình
		CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH NGHỆ AN																
494	1	Nguyễn Thị Kim	Dung		Nữ	Kinh	10/4/1992	Nghệ An	Đại học	Hệ thống thông tin quản lý	Anh TOEIC CC tiếng DT	Đại học		Chuyên viên CNTT		x	x	Nghệ An
495	2	Nguyễn Thị Thùy	Dung		Nữ	Kinh	21/11/1986	Nghệ An	Đại học	Kế toán	Anh B; CC tiếng DT	CNTTCB		KSVTT		x		Nghệ An
496	3	Ngô Anh	Dũng	Nam		Kinh	16/7/1995	Nghệ An	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Nghệ An
497	4	Đặng Thị Thanh	Huyền		Nữ	Kinh	10/10/1990	Nghệ An	Thạc sĩ	Luật Kinh tế	Anh B	B	Con TB 4/4	KSVTT	Tiếng Anh			Nghệ An
498	5	Tô Mỹ	Linh		Nữ	Kinh	03/8/1993	Nghệ An	Đại học	Kế toán	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Nghệ An
499	6	Nguyễn Đăng	Minh	Nam		Kinh	09/11/1982	Nghệ An	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Anh B1	B	Con thương tật hạng 4	KSVTT	Tiếng Anh			Nghệ An
500	7	Nguyễn Ánh	Ngọc	Nam		Kinh	14/12/1991	Hà Tĩnh	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Nghệ An
501	8	Đinh Minh	Quyên	Nam		Kinh	18/4/1997	Nghệ An	Đại học	Luật kinh tế	Trung Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Trung			Nghệ An
502	9	Phạm Mai	Sương		Nữ	Kinh	22/02/1997	Hà Nam	Đại học	Kế toán	Anh TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Nghệ An
503	10	Nguyễn Hữu	Trường	Nam		Kinh	24/5/1994	Nghệ An	Thạc sĩ	Quản trị KD quốc tế	TN tại nước ngoài	IC3		KSVTT		x		Nghệ An
504	11	Phan Thị	Vui		Nữ	Kinh	12/9/1992	Nghệ An	Đại học	Kế toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Nghệ An
		CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH THÁI BÌNH																
505	1	Hoàng Hạnh Minh	Châu		Nữ	Kinh	07/3/1997	Thái Bình	Đại học	Luật Kinh tế	Anh TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Thái Bình
506	2	Đỗ Thành	Công	Nam		Kinh	11/09/1977	Thái Bình	Đại học	Quản lý kinh tế	Đại học	THCN		KSVTT		x	x	Thái Bình
507	3	Đào Thị	Ngọc		Nữ	Kinh	12/6/1989	Ninh Bình	Đại học	Tài chính - Kế toán	Anh Bậc 2	CNTTCB		Chuyên viên Kế toán VP	Tiếng Anh			Thái Bình

STT	STT	Họ và tên		Giới tính		Dân tộc	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học	
508	4	Đào Ngọc	Thắng	Nam		Kinh	07/10/1989	Thái Bình	Đại học	Kinh tế	Anh Bậc 2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Thái Bình
509	5	Phạm Công Khánh	Linh		Nữ	Kinh	02/05/1996	Thái Bình	Đại học	Luật	Anh TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Thái Bình
510	6	Phạm Thị Thu	Lý		Nữ	Kinh	22/11/1987	Thái Bình	Đại học	Kế toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Thái Bình
511	7	Vũ Phương	Thảo		Nữ	Kinh	28/08/1997	Thái Bình	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Thái Bình
512	8	Nguyễn Phúc	Thụy	Nam		Kinh	12/11/1992	Thái Bình	Đại học	Luật Kinh tế	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Thái Bình
CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH PHÚ THỌ																		
513	1	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh		Nữ	Kinh	06/6/1997	Phú Thọ	Đại học	Kinh tế nguồn lực tài chính	Anh TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Thọ
514	2	Đặng Việt	Cường	Nam		Kinh	13/10/1994	Phú Thọ	Đại học	Kế hoạch	Anh TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Thọ
515	3	Đỗ Xuân	Giang	Nam		Kinh	26/4/1990	Phú Thọ	Đại học	Kế toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Thọ
516	4	Phạm Đình	Hà	Nam		Kinh	15/01/1986	Phú Thọ	Đại học	Công nghệ thông tin	Anh B; Ths ở nước ngoài	Kỹ sư		Chuyên viên CNTT		x	x	Phú Thọ
517	5	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh		Nữ	Kinh	25/7/1991	Phú Thọ	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh TOEFL	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Thọ
518	6	Đoàn Trung	Hiếu	Nam		Kinh	19/01/1996	Phú Thọ	Đại học	Quản trị kinh doanh (Ở nước ngoài)		CNTTCB		KSVTT		x		Phú Thọ
519	7	Nguyễn Thị	Hồng		Nữ	Kinh	09/8/1989	Hà Nội	Đại học	Kỹ sư Khoa học cây trồng	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Thọ
520	8	Đỗ Thị Thu	Hương		Nữ	Kinh	17/01/1981	Vĩnh Phúc	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Thọ
521	9	Kiều Thị	Hương		Nữ	Kinh	23/8/1994	Hà Nội	Đại học	Sư phạm Hóa	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Thọ
522	10	Nguyễn Tiến	Huy	Nam		Kinh	10/09/1993	Phú Thọ	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Anh B1	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Thọ
523	11	Chu Anh	Kiên	Nam		Kinh	18/9/1980	Hà Nội	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh A2	B	Con người nhiệm CDHH	KSVTT	Tiếng Anh			Phú Thọ
524	12	Phạm Mạnh	Linh	Nam		Kinh	6/16/1990	Vĩnh Phúc	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Thọ

STT	STT	Họ và tên	Giới tính		Dân tộc	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển
			Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học	
525	13	Hoàng Long	Nam		Kinh	18/04/1997	Phú Thọ	Đại học	Kế toán	Anh Bậc 4	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Thọ
526	14	Đặng Quang Mạnh	Nam		Kinh	13/12/1984	Vĩnh Phúc	Đại học	Quản trị doanh nghiệp thương mại	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Thọ
527	15	Dương Hồng Nhung		Nữ	Kinh	07/01/1994	Phú Thọ	Đại học	Tài chính - Ngân hàng TM	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Thọ
528	16	Phan Thanh Phương		Nữ	Kinh	10/9/1990	Hà Nội	Đại học	Kỹ sư Công nghệ sinh học	Anh Bậc 2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Thọ
529	17	Nguyễn Văn Quang	Nam		Kinh	30/9/1991	Bắc Ninh	Đại học	Công nghệ thông tin	Anh Bậc 3	Đại học		Chuyên viên CNTT	Tiếng Anh		x	Phú Thọ
530	18	Phạm Đức Quang	Nam		Kinh	18/10/1993	Quảng Trị	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Tương đương B1	Ứng dụng B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Thọ
531	19	Nguyễn Phương Thảo		Nữ	Kinh	12/12/1994	Hà Nội	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Thọ
532	20	Kim Ngọc Tú	Nam		Kinh	10/8/1989	Vĩnh Phúc	Đại học	Quản trị DN thương mại	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Thọ
533	21	Nguyễn Việt Tùng	Nam		Kinh	10/10/1990	Hà Nội	Đại học	Kỹ sư kỹ thuật thủy điện và NL tái tạo	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Thọ
		CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN															
534	1	Nguyễn Tuấn Anh	Nam		Tây	15/10/1990	Hà Nội	Đại học	Quản lý tài chính	Đào tạo bằng Anh	CNTTCB		KSVTT		x		Thái Nguyên
535	2	Nguyễn Tuấn Anh	Nam		Kinh	18/9/1988	Thái Nguyên	Đại học	Quản lý kinh tế	Anh A2	Đại học		KSVTT	Tiếng Anh		x	Thái Nguyên
536	3	Hoàng Thị Dịu		Nữ	Nùng	28/02/1987	Thái Nguyên	Đại học	Quản lý kinh tế	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Thái Nguyên
537	4	Nguyễn Trường Giang	Nam		Kinh	30/6/1987	Bắc Ninh	Đại học	Quản lý kinh tế	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Thái Nguyên
538	5	Hoàng Nguyệt Hà		Nữ	Kinh	04/03/1996	Hà Nam	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Thái Nguyên
539	6	Chu Thị Ngân Hà		Nữ	Kinh	01/7/1997	Thái Nguyên	Đại học	Luật Kinh doanh	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Thái Nguyên
540	7	Trần Thanh Hải	Nam		Kinh	01/8/1993	Hải Dương	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Anh TOEFL	IC3		KSVTT	Tiếng Anh			Thái Nguyên
541	8	Trần Văn Hậu	Nam		Kinh	12/10/1982	Nam Định	Đại học	Luật Kinh doanh	Anh TOEFL	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Thái Nguyên

STT	STT	Họ và tên		Giới tính		Dân tộc	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học	
542	9	Trịnh Xuân	Hiền	Nam		Kinh	26/8/1989	Hải Dương	Đại học	Quản trị kinh doanh tổng hợp	Anh TOEFL	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Thái Nguyên
543	10	Nguyễn Thị	Hoa		Nữ	Nùng	8/18/1994	Thái Nguyên	Đại học	Trồng trọt	Anh B1	IC3	Người DT	KSVTT		x		Thái Nguyên
544	11	Nguyễn Văn	Hưng	Nam		Kinh	25/02/1993	Thái Nguyên	Đại học	Ngân hàng thương mại	Anh Bậc 2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Thái Nguyên
545	12	Nguyễn Thanh	Hường		Nữ	Kinh	04/12/1997	Thái Bình	Đại học	Kế toán tổng hợp	Anh TOEFL	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Thái Nguyên
546	13	Vũ Quốc	Khánh	Nam		Kinh	21/9/1991	Hải Phòng	Đại học	Kế toán tổng hợp	Anh A2	IC3		KSVTT	Tiếng Anh			Thái Nguyên
547	14	Trần Nguyễn	Khôi	Nam		Kinh	26/3/1995	Nam Định	Đại học	Ngân hàng	Anh TOEFL	IC3		KSVTT	Tiếng Anh			Thái Nguyên
548	15	Hà Trung	Kiên	Nam		Tây	07/6/1996	Thái Nguyên	Đại học	Luật Kinh doanh	Anh TOEFL	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Thái Nguyên
549	16	Quách Thành	Linh	Nam		Tây	21/11/1995	Thái Nguyên	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	Anh A2	B	Người DT	KSVTT		x		Thái Nguyên
550	17	Nguyễn Lưu	Long	Nam		Kinh	27/8/1995	Bắc Ninh	Đại học	Kinh tế đầu tư	Anh TOEFL	IC3		KSVTT	Tiếng Anh			Thái Nguyên
551	18	Nguyễn Văn	Mạnh	Nam		Kinh	07/10/1997	Thái Nguyên	Đại học	Luật Kinh doanh	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Thái Nguyên
552	19	Chu Việt	Phong	Nam		Kinh	12/22/1995	Bắc Ninh	Đại học	Quản lý Kinh doanh	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Thái Nguyên
553	20	Trần Ngọc	Phúc	Nam		Kinh	19/10/1991	Thái Nguyên	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh TOEIC	IC3		KSVTT	Tiếng Anh			Thái Nguyên
554	21	Nguyễn Thị	Phương		Nữ	Tây	26/12/1995	Thái Nguyên	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Thái Nguyên
555	22	Đào Duy	Quảng	Nam		Kinh	18/7/1989	Thái Nguyên	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Anh Bậc 2	IC3		KSVTT	Tiếng Anh			Thái Nguyên
556	23	Lô Thị	Thùy		Nữ	Nùng	03/9/1997	Thái Nguyên	Đại học	Quản lý nhà nước	Anh B	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Thái Nguyên
557	24	Đinh Ngọc	Tú	Nam		Kinh	02/11/1984	Thái Nguyên	Đại học	Luật Kinh tế	Anh TOEFL	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Thái Nguyên
558	25	Lâm Hoàng Thuận	Yến		Nữ	Nùng	02/08/1991	Thái Nguyên	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Thái Nguyên
		CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH THANH HÓA																
559	1	Đỗ Phương	Anh		Nữ	Kinh	31/10/1994	Thanh Hóa	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh TOEIC	B		KSVTT	Tiếng Anh			Thanh Hóa

STT	STT	Họ và tên	Giới tính		Dân tộc	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển
			Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học	
560	2	Lê Tuấn Anh	Nam		Kinh	07/4/1993	Thanh Hóa	Đại học	Quản lý	Đào tạo bảng Tanh	B		KSVTT		x		Thanh Hóa
561	3	Nguyễn Mạnh Cường	Nam		Kinh	03/11/1994	Thanh Hóa	Đại học	Kế toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Thanh Hóa
562	4	Hoàng Văn Dương	Nam		Kinh	19/9/1992	Thanh Hóa	Đại học	Nông học	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Thanh Hóa
563	5	Nguyễn Viết Dương	Nam		Kinh	05/5/1993	Thanh Hóa	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Anh B; CC tiếng DT	CNTTCB		KSVTT		x		Thanh Hóa
564	6	Nguyễn Viết Đức	Nam		Kinh	22/7/1978	Hà Nội	Đại học	Kế toán - Tài chính DN thương mại	Anh Bậc 2	B		KSVTT	Tiếng Anh			Thanh Hóa
565	7	Hoàng Văn Giáp	Nam		Kinh	05/3/1984	Thanh Hóa	Đại học	Công nghệ thông tin	Anh B	Đại học	Con TB 1/4	KSVTT	Tiếng Anh		x	Thanh Hóa
566	8	Nguyễn Thị Phương Hà		Nữ	Kinh	19/5/1985	Thanh Hóa	Đại học	Tin học ứng dụng	Đại học	Đại học		KSVTT		x	x	Thanh Hóa
567	9	Khương Hữu Hải	Nam		Kinh	01/12/1991	Thanh Hóa	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh Bậc 2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Thanh Hóa
568	10	Mai Thị Hằng		Nữ	Kinh	25/9/1989	Thanh Hóa	Đại học	Kế toán tổng hợp	Anh TOEFL	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Thanh Hóa
569	11	Vũ Văn Hùng	Nam		Kinh	22/4/1995	Thanh Hóa	Đại học	Kỹ thuật môi trường	Anh Bậc 2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Thanh Hóa
570	12	Nguyễn Khắc Huy	Nam		Kinh	20/4/1991	Thanh Hóa	Đại học	Chăn nuôi và Nuôi trồng thủy sản	Anh A2	CNTTCB	CAND xuất ngũ	KSVTT	Tiếng Anh			Thanh Hóa
571	13	Vương Quốc Huy	Nam		Kinh	27/3/1990	Hà Nội	Đại học	Tài chính	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Thanh Hóa
572	14	Nguyễn Thị Huyền		Nữ	Kinh	12/27/1994	Thanh Hóa	Đại học	Mô hình hóa môi trường	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Thanh Hóa
573	15	Lê Thị Huyền		Nữ	Kinh	12/9/1997	Thanh Hóa	Đại học	Quản trị nhân lực	Anh TOEFL	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Thanh Hóa
574	16	Lưu Thanh Lam		Nữ	Kinh	07/4/1995	Nghệ An	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh (Ở nước ngoài)	Anh B2	CNTTCB		KSVTT		x		Thanh Hóa
575	17	Dương Bảo Linh	Nam		Kinh	12/02/1990	Thanh Hóa	Đại học	Kinh tế đối ngoại	Anh Bậc 2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Thanh Hóa
576	18	Nguyễn Thùy Linh		Nữ	Kinh	06/3/1996	Thanh Hóa	Đại học	Kiểm toán	Anh TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Thanh Hóa
577	19	Nguyễn Hoàng Long	Nam		Kinh	19/12/1996	Thanh Hóa	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh A2; CC tiếng DT	CNTTCB		KSVTT		x		Thanh Hóa

STT	STT	Họ và tên	Giới tính		Dân tộc	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển
			Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học	
578	20	Nguyễn Ngọc Mai		Nữ	Kinh	28/02/1997	Hà Nội	Đại học	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn	Anh C	IC3		KSVTT	Tiếng Anh			Thanh Hóa
579	21	Ngô Thị Thủy Nga		Nữ	Kinh	15/4/1990	Thanh Hóa	Đại học	Kế toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Thanh Hóa
580	22	Nguyễn Thị Nhung		Nữ	Kinh	14/6/1984	Thanh Hóa	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Thanh Hóa
581	23	Đặng Thị Nhung		Nữ	Kinh	10/02/1991	Thanh Hóa	Đại học	Tiếng Anh Tài chính - Kế toán	Đại học	B		KSVTT		x		Thanh Hóa
582	24	Phạm Thị Hoài Phuong		Nữ	Kinh	03/12/1996	Thanh Hóa	Đại học	Luật Kinh tế	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Thanh Hóa
583	25	Nguyễn Thị Quyên		Nữ	Kinh	09/10/1996	Thanh Hóa	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Thanh Hóa
584	26	Đinh Văn Quyên	Nam		Kinh	14/5/1993	Hà Nội	Đại học	Công nghệ Kỹ thuật XD	Anh Bậc 2	CNTTCB	Bộ đội xuất ngũ	KSVTT	Tiếng Anh			Thanh Hóa
585	27	Nguyễn Văn Sơn	Nam		Kinh	10/3/1990	Thanh Hóa	Đại học	Hành chính học	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Thanh Hóa
586	28	Lê Hữu Thắng	Nam		Kinh	02/02/1987	Thanh Hóa	Đại học	Kế toán	Anh B	Đại học		KSVTT	Tiếng Anh		x	Thanh Hóa
587	29	Đỗ Văn Thìn	Nam		Kinh	27/02/1988	Thanh Hóa	Đại học	Kế toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Thanh Hóa
588	30	Hoàng Khắc Thông	Nam		Kinh	12/6/1984	Thanh Hóa	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Thanh Hóa
589	31	Nguyễn Thị Thu		Nữ	Kinh	06/12/1991	Thanh Hóa	Đại học	Sư phạm ngữ văn	Anh B	CNTTCB	Con TB 4/4	KSVTT	Tiếng Anh			Thanh Hóa
590	32	Nguyễn Thị Minh Trang		Nữ	Kinh	25/11/1993	Thanh Hóa	Đại học	Luật	Anh TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Thanh Hóa
591	33	Đặng Thị Trang		Nữ	Kinh	25/3/1995	Thanh Hóa	Đại học	Kế toán	Anh TOEFL	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Thanh Hóa
592	34	Thân Mạnh Tri	Nam		Kinh	10/5/1988	Bắc Giang	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Đại học	C		KSVTT		x		Thanh Hóa
593	35	Lưu Bách Trường	Nam		Kinh	26/5/1990	Hà Nội	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Đào tạo bằng tiếng Anh	Tin học Văn phòng B		KSVTT		x		Thanh Hóa
594	36	Nguyễn Mạnh Tùng	Nam		Kinh	29/10/1996	Bình Dương	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Thanh Hóa
595	37	Lê Thanh Tùng	Nam		Kinh	15/4/1977	Thanh Hóa	Đại học	Kế toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Thanh Hóa

STT	STT	Họ và tên	Giới tính		Dân tộc	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển
			Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học	
596	38	Lê Thị Vân		Nữ	Kinh	06/3/1991	Thanh Hóa	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Thanh Hóa
		CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH VINH PHÚC															
597	1	Lê Nam Hải	Nam		Kinh	28/08/1994	Vinh Phúc	Đại học	Kế toán tổng hợp	Anh TOEIC	CNTTCB		CV Hành chính Tổng hợp	Tiếng Anh			Vinh Phúc
598	2	Nguyễn Thanh Hải	Nam		Kinh	17/8/1982	Thanh Hóa	Đại học	Kế toán	Anh B	B		CV Hành chính Tổng hợp	Tiếng Anh			Vinh Phúc
599	3	Nguyễn Thị Lợi		Nữ	Kinh	10/10/1987	Vinh Phúc	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh B	B		CV Hành chính Tổng hợp	Tiếng Anh			Vinh Phúc
600	4	Nguyễn Thị Hải Yến		Nữ	Kinh	19/8/1986	Hà Nội	Đại học	Kế toán	Anh A2	B		CV Hành chính Tổng hợp	Tiếng Anh			Vinh Phúc
		CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH YÊN BÁI															
601	1	Trần Thế Anh	Nam		Kinh	20/4/1987	Hung Yên	Đại học	Luật	Anh B	B	Con TB 4/4	KSVTT	Tiếng Anh			Yên Bái
602	2	Trần Đình Anh	Nam		Kinh	13/8/1989	Yên Bái	Đại học	Kế toán	Anh A	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Yên Bái
603	3	Đỗ Thị Thúy Anh		Nữ	Kinh	16/4/1987	Hung Yên	Đại học	Tài chính Doanh nghiệp	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Yên Bái
604	4	Phùng Khương Duy	Nam		Kinh	19/7/1986	Vinh Phúc	Đại học	Kế toán	Anh B; CC tiếng DT	B		KSVTT		x		Yên Bái
605	5	Nguyễn Hải Đăng	Nam		Kinh	21/9/1984	Nghệ An	Đại học	Kế toán tổng hợp	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Yên Bái
606	6	Hà Đức Đồng	Nam		Tày	05/12/1990	Yên Bái	Đại học	Kế toán	Anh Bậc 3	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Yên Bái
607	7	Lê Phương Hạnh		Nữ	Kinh	09/01/1995	Vinh Phúc	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh IELTS			KSVTT	Tiếng Anh			Yên Bái
608	8	Nguyễn Thúy Hiền		Nữ	Kinh	30/10/1995	Phú Thọ	Đại học	Luật	Anh TOEIC	B		KSVTT	Tiếng Anh			Yên Bái
609	9	Nguyễn Đình Hoàng	Nam		Kinh	05/01/1995	Nghệ An	Đại học	Tài chính QTKD	Anh TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Yên Bái
610	10	Trương Thị Khánh Huyền		Nữ	Kinh	18/8/1997	Hà Nội	Đại học	Luật	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Yên Bái
611	11	Đặng Thủy Linh		Nữ	Kinh	14/9/1991	Yên Bái	Đại học	Kế toán DN công nghiệp	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Yên Bái

STT	STT	Họ và tên		Giới tính		Dân tộc	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học	
612	12	Nguyễn Thị Lợi	Lợi		Nữ	Kinh	10/10/1987	Vĩnh Phúc	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Yên Bái
613	13	Đào Ngọc	Mai		Nữ	Kinh	11/6/1987	Hưng Yên	Đại học	Kế toán	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Yên Bái
614	14	Nguyễn Đình	Minh	Nam		Kinh	25/3/1995	Bắc Ninh	Đại học	Quản trị kinh doanh tổng hợp	Anh TOEIC	IC3		KSVTT	Tiếng Anh			Yên Bái
615	15	Dương Hồng	Minh		Nữ	Kinh	14/01/1996	Hà Nội	Đại học	Quản trị DV du lịch và lữ hành	Anh TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Yên Bái
616	16	Nguyễn Minh	Nguyệt		Nữ	Kinh	19/12/1997	Hà Nam	Đại học	Kế toán Doanh nghiệp	Anh TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Yên Bái
617	17	Nguyễn Bá	Phong	Nam		Kinh	18/02/1983	Phủ Thọ	Đại học	Kế toán	Anh C	THCN		KSVTT	Tiếng Anh		x	Yên Bái
618	18	Nguyễn Việt	Thanh	Nam		Kinh	28/5/1997	Tuyên Quang	ĐH	Luật Kinh tế	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Anh			Yên Bái
619	19	Ngọc Đức	Thạo	Nam		Tây	08/11/1996	Lào Cai	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Yên Bái
620	20	Ngô Kim	Thoa		Nữ	Kinh	27/8/1990	Nam Định	Đại học	Kế toán	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Yên Bái
619	21	Dương Ngọc	Tuấn	Nam		Kinh	22/9/1993	Hà Nội	Đại học	Tài chính - Ngân hàng TM	Anh Bậc 2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Yên Bái
620	22	Trịnh Quang	Tiến	Nam		Kinh	12/5/1985	Phủ Thọ	Đại học	Luật kinh tế	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Yên Bái
621	23	Hoàng Thị Thanh	Xuân		Nữ	Tây	19/11/1997	Yên Bái	Đại học	Luật	Anh TOEIC	IC3	Người DT	KSVTT		x		Yên Bái